

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

**ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO
VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ
TRONG VIỆC SỬ DỤNG THIẾT BỊ LÀM VIỆC TRÊN
CAO TẠI CÔNG TY TNHH KINDEN VIỆT NAM**

**GVHD: NGUYỄN HÀ TRANG
GVHD: NGUYỄN QUỐC LONG
SVTH: PHAN THỊ HÒA
MSSV:15150070**



Tp. Hồ Chí Minh, tháng 7/2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ HÓA HỌC VÀ THỰC PHẨM
BỘ MÔN CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

---๐๐๐๐๐---



HCMUTE

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đề tài: ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO
VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ
TRONG VIỆC SỬ DỤNG THIẾT BỊ LÀM VIỆC TRÊN
CAO TẠI CÔNG TY TNHH KINDEN VIỆT NAM**

Sinh viên thực hiện: Phan Thị Hòa

MSSV: 15150070

Lớp: 151502B

Giáo viên hướng dẫn:

Th.S. Nguyễn Hà Trang

K.S. Nguyễn Quốc Long

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 29 tháng 07 năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu của đề tài.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	2
4. Phương pháp thực hiện đề tài.....	2
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH KINDEN VIỆT NAM	4
1.1. Giới thiệu chung.....	4
1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	4
1.1.2. Giới thiệu về ban ATVSLĐ	4
1.1.3. Phân định trách nhiệm quyền hạn trong công tác ATVSLĐ.....	7
1.2. Tổng quan về công trường	8
1.2.1. Chất lượng lao động	9
1.2.2. Trình độ văn hóa của người lao động.....	9
1.3. Hệ thống văn bản áp dụng tại công ty	10
1.3.1. Các văn bản luật [1]	10
1.3.2. Các văn bản nghị định	11
1.3.3. Các thông tư.....	12
1.3.4. Các Quyết định	17
1.4. Nội quy quy định về ATVSLĐ tại công trường.	20
1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy ATVSLĐ tại các công trường.....	22
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ QUY TRÌNH NHẬN DIỆN MỐI NGUY VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO	24
2.1. Tổng quan về môi trường lao động	24
2.1.1. Khái niệm lao động.....	25
2.1.2. Khái niệm Môi trường lao động.....	25
2.1.3 Các yếu tố hình thành nên môi trường lao động	26
2.1.4. Khái niệm điều kiện lao động	27
2.1.5. Các nhóm điều kiện lao động	28
2.1.6. Vùng phơi nhiễm	29

2.1.7 Vùng nguy hiểm	29
2.2. Tổng quát về đánh giá rủi ro	30
2.2.1. Khái niệm đánh giá rủi ro.....	30
2.2.2. Các phương pháp đánh giá rủi ro.....	30
3.2.3 Biện pháp kiểm soát và quản lý rủi ro.....	36
CHƯƠNG 3: TỔNG QUAN VỀ THIẾT BỊ LÀM VIỆC TRÊN CAO	38
3.1. Giàn giáo	38
3.1.1. Khái niệm	38
3.1.2. Phân loại giàn giáo.....	38
3.2. Xe nâng người	39
3.2.1. Khái niệm	39
3.2.2. Phân loại	39
3.2.3. So sánh giữa xe nâng thẳng và xe nâng xiên	40
3.3. So sánh xe nâng người với một số đối tượng khác (giàn giáo, thang) khi làm việc trên cao.....	41
CHƯƠNG 4: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬN DIỆN VÀ NGĂN NGỪA MỐI NGUY TẠI CÔNG TY KINDEN VIỆT NAM	43
4.1. Giới thiệu về hệ thống đánh giá rủi ro của công ty TNHH Kinden Việt Nam.	43
4.2. Quy trình thực hiện đánh giá rủi ro tại công ty	46
4.3. Các văn bản pháp lý liên quan đến đánh giá rủi ro mà Kinden Việt Nam đang áp dụng.....	51
CHƯƠNG 5: HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ RỦI RO TRONG ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG CHO VIỆC SỬ DỤNG CÁC THIẾT BỊ LÀM VIỆC TRÊN CAO TẠI CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY KINDEN VIỆT NAM.....	52
5.1. Giới thiệu loại giàn giáo và xe nâng được sử dụng ở Kinden	52
5.1.1. Giàn giáo.....	52
5.1.2. Xe nâng người	53
5.2. Công tác đánh giá rủi ro cho giàn giáo và xe nâng tại các dự án.....	54
5.2.1. Công tác đánh giá rủi ro cho giàn giáo.....	54
5.2.2. Công tác đánh giá rủi ro cho xe nâng	60

CHƯƠNG 6: NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CẢI TIẾN QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ RỦI RO CHO THIẾT BỊ LÀM VIỆC TRÊN CAO TẠI CÔNG TY KINDEN VIỆT NAM.....	68
6.1. Nhận xét đánh giá rủi ro của công ty đang thực hiện	68
6.2. Ưu, nhược điểm của quy trình đánh giá rủi ro của công ty Kinden Việt Nam	69
6.3. Đề xuất biện pháp cải tiến	72
6.3.1. Lý do lựa chọn phương pháp	72
6.3.2. Cách thức thực hiện	73
6.3.3. Hướng dẫn người lao động	80
6.3.4. Ưu, nhược điểm của phương pháp chuyên gia trong việc kết hợp với R.A.K.Y	83
KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ	85
1. Kết luận.....	85
2. Kiến nghị.....	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO	86
PHỤ LỤC 1	87
PHỤ LỤC 2	88
PHỤ LỤC 3	89
PHỤ LỤC 4	90
PHỤ LỤC 5	91
PHỤ LỤC 6	92
PHỤ LỤC 7	93

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Các văn bản luật	10
Bảng 1. 2. Các nghị định áp dụng tại Công ty Kinden Việt Nam	11
Bảng 1. 3. Các thông tư áp dụng tại Công ty Kinden Việt Nam	12
Bảng 1. 4. Các quyết định áp dụng tại Kinden Việt Nam	17
Bảng 1. 5. Danh mục tiêu chuẩn công ty đã và đang thực hiện được.....	20
Bảng 1. 6. Nội quy quy định của công ty Kinden Việt Nam [2]	20
Bảng 1. 7. Cơ cấu tổ chức bộ phận ATVSLĐ tại các công trường	22
Bảng 3. 1. Bảng so sánh giữa xe nâng thẳng và xe nâng xiên.....	40
Bảng 3. 2. Bảng so sánh xe nâng người với đối tượng khác	41
Bảng 4. 1. Bảng quy điểm của tính nghiêm trọng và tính khả năng	44
Bảng 4. 2. Bảng phân loại rủi ro	44
Bảng 4. 3. Quy trình thực hiện đánh giá rủi ro tại công ty [4].....	46
Bảng 5. 1. Bảng công tác đánh giá rủi ro cho giàn giáo [8]	54
Bảng 5. 2. Bảng công tác đánh giá rủi ro cho xe nâng [9]	60
Bảng 6. 1. Bảng các mối nguy điển hình khi làm việc trên xe nâng	76
Bảng 6. 2. Quy định khoảng cách an toàn khi làm việc gần dây điện áp cao	78
Bảng 6. 3. Bảng các mối nguy điển hình khi làm việc trên giàn giáo	78

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Sơ đồ tổ chức Công ty Kinden Việt Nam.	5
Hình 1. 2. Sơ đồ tổ chức ban An toàn Công ty Kinden Việt Nam.	6
Hình 1. 3. Sơ đồ tổ chức tại công trường.....	8
Hình 2. 1. Quá trình quản lý rủi ro.....	30
Hình 2. 2. Sơ đồ xương cá.....	32
Hình 2. 3. Sơ đồ cây sai lầm.....	34
Hình 2. 4. Sơ đồ rủi ro.....	35
Hình 2. 5. Hệ thống phân cấp các biện pháp kiểm soát rủi ro.....	36
Hình 5. 1. Mẫu giàn giáo di động 2 tầng của Công ty Kinden Việt Nam.....	53
Hình 5. 2. Nhân viên an toàn tiến hành huấn luyện an toàn.....	57
Hình 5. 3. Thực hiện họp giao ban buổi sáng trước khi tiến hành công việc.	58
Hình 5. 4. Nhân viên Kinden kiểm tra công trường	59
Hình 5. 5. Thực hiện cầu nâng hạ xe nâng xuống công trường.	64
Hình 5. 6. Hướng dẫn vận hành.....	65
Hình 5. 7. Hướng dẫn an toàn.....	66
Hình 5. 8. Nhân viên Kinden kiểm tra công trường.	67
Hình 6. 1. Cuộc họp giữa các chuyên gia.	74
Hình 6. 2. Khảo sát thực tế tại công trường.....	75
Hình 6. 3. Tổng hợp các mối nguy sau khi đi thực tế.....	75
Hình 6. 4. Huấn luyện cho người lao động thực hiện bảng R.A.K.Y kết hợp với phương pháp chuyên gia.	81
Hình 6. 5. Tiến hành đánh giá R.A.K.Y tại công trường.....	82
Hình 6. 6. Nhân viên Kinden tiến hành kiểm tra công trường	83

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ATVSLĐ: An toàn vệ sinh lao động

NLĐ: Người lao động

KDVN: Kiden Việt Nam

BHLĐ: Bảo hộ lao động

PTBVCM: Phương tiện bảo vệ cá nhân

R.A.K.Y. : Risk Assessment Kiken Yochi

LỜI CẢM ƠN

Được sự phân công của quý thầy cô khoa Hóa – Công nghệ thực phẩm, Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, sau gần ba tháng thực tập em đã hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp “Đánh giá quy trình quản lý rủi ro và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng thiết bị làm việc trên cao tại Công Ty TNHH Kinden Việt Nam”.

Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, ngoài sự nỗ lực học hỏi của bản thân còn có sự hướng dẫn tận tình của thầy cô, cô chú, anh chị tại Công Ty TNHH Kinden Việt Nam.

Em chân thành cảm ơn thầy giáo – Th. S. Nguyễn Hà Trang, người đã hướng dẫn cho em trong suốt thời gian làm luận văn.

Em chân thành cảm ơn thầy giáo – K. S. Nguyễn Quốc Long , người đã hướng dẫn cho em trong suốt thời gian làm luận văn. Mặc dù thầy bận đi công tác nhưng không ngần ngại chỉ dẫn em, định hướng đi cho em, để em hoàn thành tốt nhiệm vụ. Một lần nữa em chân thành cảm ơn Cô và Anh và chúc Cô và Anh dồi dào sức khỏe.

Xin cảm ơn tất cả các bạn bè, thư viện, doanh nghiệp, công ty đã giúp đỡ, dìu dắt em trong suốt thời gian qua. Tất cả các mọi người đều nhiệt tình giúp đỡ, đặc biệt ở Công ty TNHH Kinden Việt Nam, mặc dù số lượng công việc của công ty ngày một tăng lên nhưng công ty vẫn dành thời gian để hướng dẫn rất nhiệt tình.

Tuy nhiên vì kiến thức chuyên môn còn hạn chế và bản thân còn thiếu nhiều kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung của báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận sự góp ý, chỉ bảo thêm của quý thầy cô cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên tại các doanh nghiệp để báo cáo này được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa xin gửi đến thầy cô, bạn bè cùng các cô chú, anh chị tại các doanh nghiệp lời cảm ơn chân thành và tốt đẹp nhất!

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Sinh viên thực hiện

Phan Thị Hòa

NHIỆM VỤ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Họ tên sinh viên: PHAN THỊ HÒA MSSV: 15150070

1. TÊN ĐỀ TÀI: ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG VIỆC SỬ DỤNG THIẾT BỊ LÀM VIỆC TRÊN CAO TẠI CÔNG TY TNHH KINDEN VIỆT NAM.

2. MỤC TIÊU

- Tìm hiểu và đưa ra nhận xét về quy trình đánh giá rủi ro của Công ty đang thực hiện.
- Đề xuất phương pháp cải tiến quy trình đánh giá rủi ro cho công ty.
- Áp dụng phương pháp cải tiến cho thiết bị làm việc trên cao của Công ty, cụ thể là giàn giáo di động và xe nâng người.
- Hướng dẫn người lao động các biện pháp cụ thể giúp giảm thiểu tai nạn lao động, đảm bảo an toàn khi làm việc trên cao.

3. THỜI GIAN THỰC HIỆN: từ 29/ 03 /2019 đến 29 / 07 / 2019

4. CÁN BỘ HƯỚNG DẪN: Th.S Nguyễn Hà Trang – K.S. Nguyễn Quốc Long

Đơn vị công tác : Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật TP. HCM – Công ty TNHH Kinden Việt Nam

Tp. HCM, ngày..... tháng..... năm

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU NHẬN XÉT LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Người nhận xét (học hàm, học vị, họ tên):

Cơ quan công tác:

Hướng dẫn sinh viên: MSSV:

Tên đề tài:

.....

Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường

1. Ý KIẾN NHẬN XÉT

1.1. Mục tiêu và nội dung

.....
.....
.....

1.2. Hình thức trình bày

.....
.....

1.3. Các ưu điểm chính của luận văn

.....
.....
.....

1.4. Các nhược điểm chính của luận văn

.....
.....

1.5. Thái độ, tác phong làm việc:

.....

1.6. Ý kiến khác:

.....

2. Ý KIẾN KẾT LUẬN

Đề nghị cho bảo vệ hay không?

Điểm (thang điểm 10):.....(Bằng chữ:.....)

Ngày tháng năm 2019

Người nhận xét

(Ký & ghi rõ họ tên)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngành xây dựng giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Đây cũng là một ngành mà điều kiện lao động có những đặc thù riêng: địa điểm làm việc của công nhân luôn thay đổi, phần lớn công việc thực hiện ngoài trời, chịu ảnh hưởng của khí hậu thời tiết xấu, nhiều công việc nặng nhọc, phải thi công ở những vị trí không thuận tiện, có nhiều yếu tố nguy hiểm có hại dễ gây ra tai nạn lao động và làm suy giảm sức khỏe thậm chí gây ra bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

Theo số liệu thống kê trong nhiều năm tại địa phương, lĩnh vực thi công, xây dựng luôn có số vụ tai nạn lao động cao (khoảng 40% tổng số vụ tai nạn lao động được thống kê hàng năm), đặc biệt là tai nạn lao động gây chết người xảy ra tại các công trình xây dựng dân dụng, nhà ở riêng lẻ do các nhà thầu tư nhân hoặc các công ty xây dựng có quy mô nhỏ nhận thầu thi công hoặc khoán lại cho các nhóm thợ tự tổ chức thi công nhưng không hiểu biết và chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn vệ sinh lao động.

Ở hầu hết các báo cáo và các nghiên cứu về tình hình tai nạn lao động nói chung và ngành xây dựng nói riêng đều có chung nhận định, tai nạn không chỉ đơn thuần do sự cố kỹ thuật mà xuất phát từ sự chủ quan của cả chủ sử dụng lao động và người lao động.

Cụ thể với lĩnh vực làm việc trên cao, các báo cáo và các nghiên cứu đã chỉ ra nhiều trường hợp người sử dụng lao động không tổ chức đánh giá, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc trước khi bố trí cho công nhân làm việc. Không tổ chức huấn luyện an toàn lao động trước khi làm việc; không xây dựng quy trình làm việc an toàn cho từng loại công việc, tổ chức lao động hợp lý, không có phương tiện bảo vệ cá nhân, hoặc phương tiện bảo vệ cá nhân không tốt; không thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với thiết bị máy móc trong quá trình sử dụng vận hành.

Thi công công việc trên cao có rủi ro cao về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp và thực tế, nhiều vụ tai nạn nghiêm trọng đã xảy ra, không chỉ để lại hậu quả nặng nề cho người lao động, để lại gánh nặng cho người thân, gia đình mà còn gây tâm lý không tốt đối với lĩnh vực này.

Công tác quản lý Nhà nước về an toàn lao động tại các công trình còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Bên cạnh đó, vai trò giám sát công trình, trong đó có giám sát về công tác an toàn lao động của tư vấn giám sát, nhà thầu lại chưa làm hết trách nhiệm của mình nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động và chính doanh nghiệp.

Theo các chuyên gia, để chủ động phòng ngừa tai nạn lao động khi thi công công việc trên cao cần sự chung tay của nhiều bên. Trước hết chủ thầu, chủ doanh nghiệp xây dựng theo quy định của pháp luật – là người chịu trách nhiệm chính trong công tác an toàn lao động. Do đó, hơn ai hết, bản thân họ phải thường xuyên huấn luyện về an toàn lao động, nội quy làm việc cũng như trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cho người lao động trước khi làm việc.

Một trong những vấn đề rất quan trọng để phòng ngừa tai nạn lao động khi thi công công việc trên cao là người lao động phải nhận diện rõ các mối nguy hiểm của công việc, nhận diện rõ các tiêu chuẩn quy trình, quy phạm về an toàn lao động và những biện pháp an toàn cụ thể trong công việc của mình. Nhưng với trình độ học vấn và kinh nghiệm làm việc của người lao động thì chưa nhận thấy được những mối nguy hiểm xung quanh công việc họ đang làm. Đó cũng là lý do hình thành nên đề tài: “Đánh giá quy trình quản lý rủi ro và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng các thiết bị làm việc trên cao tại Công ty TNHH Kinden Việt Nam”

2. Mục tiêu của đề tài

- Tìm hiểu và đưa ra nhận xét về quy trình đánh giá rủi ro của công ty đang thực hiện.
- Đề xuất phương pháp cải tiến quy trình đánh giá rủi ro cho công ty.
- Áp dụng phương pháp cải tiến cho thiết bị làm việc trên cao của công ty, cụ thể là giàn giáo di động và xe nâng người.
- Hướng dẫn người lao động các biện pháp cụ thể giúp giảm thiểu tai nạn lao động, đảm bảo an toàn khi làm việc trên cao.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Giàn giáo di động và xe nâng người.
- Phạm vi nghiên cứu: Tại các dự án của Công ty TNHH Kinden Việt Nam

4. Phương pháp thực hiện đề tài

- Phương pháp chuyên gia: là phương pháp dựa trên sự am hiểu của đội ngũ chuyên gia có trình độ để xem xét, nhận định bản chất một việc hay thực tiễn phức tạp, để tìm ra

giải pháp tối ưu cho các công việc. Ở phương pháp này, sẽ lựa chọn người có thời gian làm việc và tiếp xúc nhiều với công việc liên quan đến giàn giáo và xe nâng người. Các chuyên gia sẽ đưa ra các nhận định và các biện pháp cụ thể nhằm khắc phục các mối nguy của công việc mà người lao động đang thực hiện. Hiệu quả thực hiện được kiểm tra ít nhất 2 lần/tháng.

- Phương pháp thu thập thông tin: Tiến hành thu thập thông tin từ các dữ liệu từ các báo cáo hàng ngày của công trường, từ hoạt động đánh giá R.A.K.Y hàng ngày được lưu ở công trường. Từ đó xác định được các mối nguy tiềm ẩn trong công việc của người lao động.

- Phương pháp khảo sát thực tế: được tiến hành trong khoảng thời gian người lao động thực hiện công việc đó trong khoảng thời gian dài. Phương pháp này nhằm mục đích ghi nhận các rủi ro, các vấn đề xảy ra trong thực tế tại công trường. Từ đó, đưa ra kết luận cuối cùng. Trước khi tiến hành cuộc khảo sát cần xác định rõ loại thông tin cần khảo sát nghĩa là ta sẽ khảo sát những mối nguy (người lao động, máy móc, môi trường) và đánh giá tác động của những mối nguy đó bằng cách theo dõi liên tục các hoạt động của máy móc đến khi mối nguy đó xảy ra. Tiếp theo đó ta định hướng thời gian cho mối nguy đó (Ví dụ: 6 tháng, 1 năm...)

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH KINDEN VIỆT NAM

1.1. Giới thiệu chung

1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Tên công ty: Chi nhánh Công ty TNHH Kinden Việt Nam
- Công ty 100% vốn nước ngoài (Nhật Bản). Công ty chuyên thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt hệ thống điện, điều hòa, không khí, thông gió, cấp nước, thoát nước cho các công trình xây dựng, công nghiệp, trang trí ngoại thất công trình
- Năm thành lập: 1997
- Từ khi thành lập đến nay, công ty KDVN đã có hơn 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong các lĩnh vực thiết kế thi công hệ thống Điện – Cơ cho các công trình xây dựng: cầu, đường, nhà cao tầng và xưởng công nghiệp.
- Trụ sở văn phòng:
Văn phòng chính: lầu 15, tòa nhà CMC, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Chi nhánh TP.HCM: lầu 3, tòa nhà RiverSide 2A- 4A Tôn Đức Thắng, Bến Nghé, Quận 1.
- Tổng giám đốc: Osamu Kubokochi
- Số điện thoại: (84-8) 3933 0121
- Fax: (84-8)3933 0150
- Website: www.kinden.co.jp

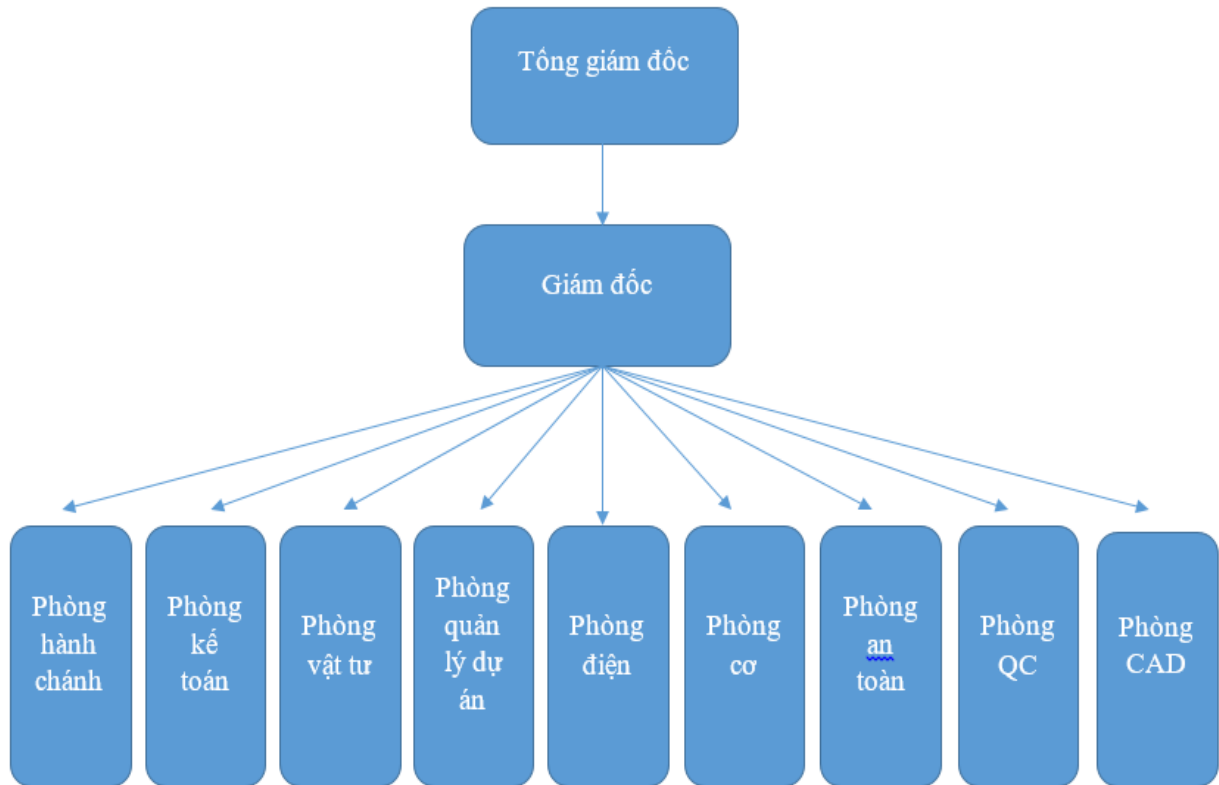
1.1.2. Giới thiệu về ban ATVSLĐ

Lý do thành lập:

- Coi trọng con người và lấy sức khỏe làm trọng tâm. Tạo ra con người trước khi tạo ra sản phẩm, con người tốt thì sản phẩm mới tốt. Công ty luôn bắt đầu từ những việc làm cơ bản nhất nền tảng nhất đó là đào tạo con người để đạt được mục tiêu sau cùng là luôn đem đến cho khách hàng sự tiện lợi nhất an toàn nhất và hài lòng nhất.
- Có nhận thức về tầm quan trọng của an toàn trong quá trình hoạt động.
- Hỗ trợ cho công tác thi công an toàn, góp phần mang lại lợi nhuận cao.

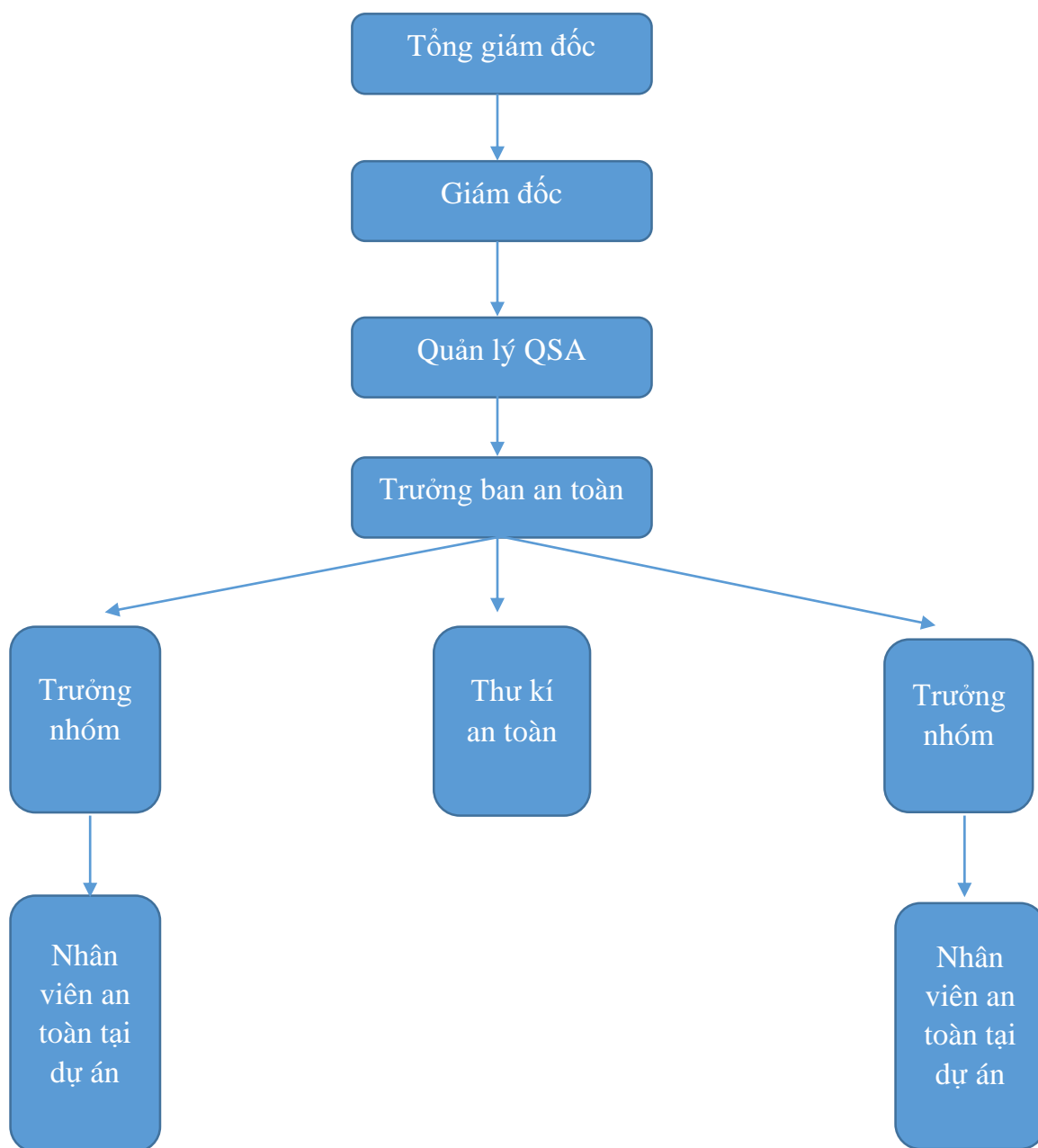
Hệ thống ban an toàn:

- Theo thông tư 01/2011/TT-BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN ngày 10/01/2011 của Bộ lao động – Thương binh và xã hội, bộ y tế và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Công ty đã thành lập Hội đồng bảo hộ lao động với cơ cấu gồm 12 thành viên. Trách nhiệm và quyền hạn được phân công rõ ràng cho từng thành viên.



Hình 1. 1. Sơ đồ tổ chức Công ty Kinden Việt Nam.

- Từ hình ảnh trên ta thấy bộ phận an toàn là một bộ phận độc lập, chịu sự quản lý trực tiếp của giám đốc, đảm bảo thông tin trực tiếp. Và song song với bộ phận kỹ thuật, hỗ trợ bộ phận đó đảm bảo công tác an toàn tại công trường.



Hình 1. 2. Sơ đồ tổ chức ban An toàn Công ty Kinden Việt Nam.

Từ sơ đồ trên ta thấy được bộ phận an toàn của công ty KDVN là một bộ phận độc lập. Chính vì thế thông tin xuyên suốt, cũng như liên tục hỗ trợ và trao đổi kiến thức kinh nghiệm giữa các thành viên.

1.1.3. Phân định trách nhiệm quyền hạn trong công tác ATVSLĐ

Từ sơ đồ của ban an toàn, bộ phận an toàn lao động của công ty KDVN bao gồm 12 nhân viên chuyên trách về an toàn lao động. Trách nhiệm của mỗi thành viên là phối hợp và hỗ trợ ban chỉ huy công trường trong việc đảm bảo các hoạt động ATVSLĐ.

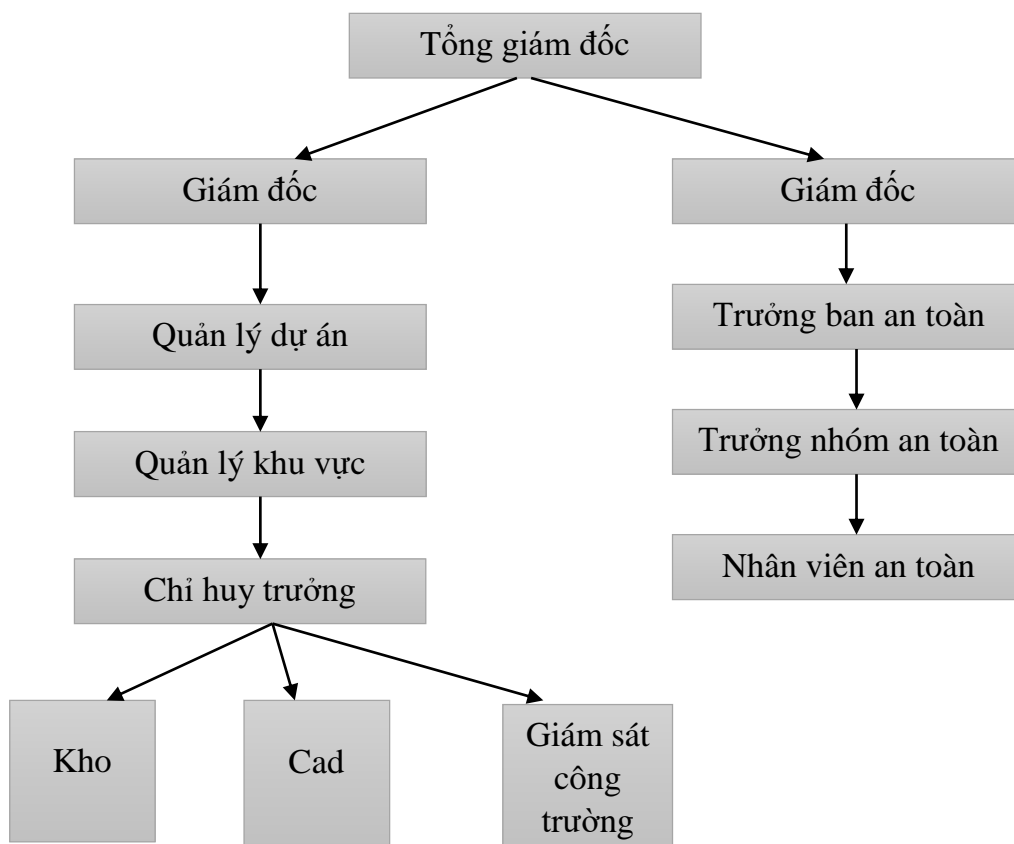
Trưởng bộ phận an toàn có trách nhiệm quản lý và kiểm soát hoạt động an toàn ở tất cả các dự án, thông qua kế hoạch An toàn và sức khỏe hàng tháng; các cuộc tuần tra an toàn nội bộ, báo cáo an toàn tại dự án.

Nhân viên an toàn tại văn phòng chính có trách nhiệm kiểm soát hồ sơ an toàn của nhà thầu phụ tại dự án, cũng như hỗ trợ việc lưu hồ sơ, quản lý các vật tư an toàn cho tất cả các dự án.

Ở mỗi dự án, tùy theo tính chất của quy mô sẽ bố trí số lượng nhân viên chuyên trách về an toàn lao động cho phù hợp để đảm bảo luôn có mặt giám sát và tư vấn về an toàn lao động cho phù hợp của dự án. Ngoài ra nhân viên an toàn công ty sẽ triển khai hoạt động an toàn và giám sát kết quả các hoạt động an toàn của thầu phụ thông qua chỉ huy trưởng và giám sát công trường để đảm bảo các công việc được đảm bảo an toàn tuyệt đối.

Nhân viên chuyên trách an toàn lao động tại mỗi dự án có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ bộ phận kỹ thuật trong việc lên kế hoạch và thực hiện công việc một cách an toàn. Đồng thời nhân viên an toàn có trách nhiệm kiểm tra bộ phận kỹ thuật có thực hiện công việc đúng theo kế hoạch an toàn đã được duyệt hay không. Mọi hoạt động tại công trường đều được nhân viên an toàn có quyền dừng công việc của các đơn vị thi công ngay lập tức khi nhận thấy các mối nguy trong lúc thi công hoặc công việc thực hiện không đúng với kế hoạch đã đề ra.

1.2. Tổng quan về công trường



Hình 1. 3. Sơ đồ tổ chức tại công trường.

Quản lý dự án chịu sự phân công từ ban giám đốc. Mọi hoạt động sẽ được triển khai xuống chỉ huy trưởng công trường và tiếp tục được đưa xuống các nhân viên bao gồm: cad, thủ kho, giám sát công trường và nhân viên an toàn.

Tại các dự án bao gồm ít nhất 1 nhân viên giám sát an toàn, được hỗ trợ bởi trưởng nhóm khu vực, mọi hoạt động báo cáo an toàn sẽ được gửi về trưởng ban. Nhân viên an toàn tại công trường có nhiệm vụ hỗ trợ và phối hợp với đơn vị thi công đảm bảo công tác an toàn.

Nguồn nhân lực tại các dự án được chia thành 2 loại:

- Khối gián tiếp sản xuất (Nhân viên Kinden): đây là những người lao động có tay nghề cao, cũng như có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên.

- Khối trực tiếp sản xuất (Nhân viên thầu phụ): gồm chỉ huy trưởng, giám sát an toàn, thủ kho, công nhân. Đây là lao động phổ thông hoặc những người thợ chuyên về một lĩnh vực nhất định, cụ thể là điện hoặc cơ.

1.2.1. Chất lượng lao động

Thực tế tại các dự án số lượng lao động nam nhiều hơn số lượng lao động nữ. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự chênh lệch tỉ lệ nam nữ là do đặc thù và tính chất công việc tại công trường cần sức lực, thể trạng tốt để làm việc trong các khâu bốc xếp, sắp dỡ sắt thép các loại, hàn cắt, sửa chữa điện, lái cầu, cắt uốn thép, làm việc trên cao với xe nâng, giàn giáo, tính chất công việc nặng nhọc, vất vả khi làm trong thời tiết thất thường, nắng gió và thời gian làm việc theo ca nên yêu cầu lao động nam nhiều hơn để đáp ứng đầy đủ đội ngũ công nhân thích hợp.

Nữ đa số là nhân viên văn phòng, làm công việc hồ sơ, giấy tờ, một số ít công nhân nữ của nhà thầu phụ làm việc trong khu vực gia công.

Bộ phận lao động trực tiếp chủ yếu được phân bổ vào các khâu gia công thép, cắt uốn, bộ phận bảo trì, sửa chữa máy móc, thiết bị. Để tiến độ thi công diễn ra liên tục và thường xuyên, đảm bảo về số lượng, chất lượng và năng suất thì phải cần nhiều công nhân trực tiếp làm việc ở quá trình này. Vì vậy lao động trực tiếp chiếm tỷ lệ cao hơn lao động gián tiếp, phù hợp với tính chất công việc. Bên cạnh đó lực lượng lao động gián tiếp là số lao động phục vụ cho các công việc tại văn phòng các ban. Nhân viên văn phòng là lao động trí óc, không trực tiếp sản xuất, là bộ phận dẫn đầu của công ty, bộ phận vạch ra các kế hoạch, chiến lược, mục tiêu... phát triển cho công ty, cũng đáp ứng đầy đủ nguồn lực và chất lượng được đào tạo chuyên môn phù hợp với tính chất của công việc.

1.2.2. Trình độ văn hóa của người lao động

Trình độ học vấn ảnh hưởng lớn đến sự tiếp thu, nhận thức và ý thức của người lao động và ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc. Công tác ATVSLĐ có được thực hiện tốt hay không cũng nhờ vào trình độ học vấn của người lao động. Tuy nhiên, dựa vào tính chất, đặc thù, dựa vào loại hình sản xuất mà có thể cần người lao động có trình độ cao hay thấp.

Trình độ của người lao động không cao chủ yếu là lao động phổ thông. Công nhân chủ yếu là những người ngoài tỉnh có trình độ học vấn thấp. Chính vì trình độ học vấn thấp nên khả năng tiếp thu hạn chế gây khó khăn cho công tác tuyên truyền, huấn luyện nên dễ mắc

sai lầm trong công việc, không có kinh nghiệm nên dễ xảy ra sai sót. Do đặc thù công việc chủ yếu là lao động chân tay nặng nhọc, đòi hỏi có thể lực, sức khỏe, không đòi hỏi học vấn.

Đối với bộ phận bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị đòi hỏi công nhân hay kỹ sư phải có chuyên môn về công việc của mình, do vậy trình độ học vấn rất cần thiết và một phần tính chất công việc đòi hỏi phải cần có tay nghề và sự hiểu biết rõ ràng trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị, kỹ thuật chuyên môn cao.

Nhân viên an toàn cần phải có biện pháp thiết thực để giúp họ hiểu đúng và đầy đủ các thông tin về an toàn trong khi làm việc để nâng cao nhận thức và ý thức của người lao động có trình độ văn hóa chưa cao. Có thể chuyển đổi các yêu cầu của pháp luật về dạng hình ảnh linh động và dễ hiểu, có thể nhớ lâu để họ từ từ nhận thức hoặc tổ chức các buổi sinh hoạt nói chuyện về chuyên đề an toàn trong công trường.

Trình độ từ trung cấp trở lên, chủ yếu là cán bộ, kỹ sư là những người có trình độ học vấn cao và trình độ chuyên môn cũng cao, học hiểu biết về tính chất công việc và chuyên môn ngành nghề của họ, thông qua đào tạo của trường lớp trong thời gian dài.

1.3. Hệ thống văn bản áp dụng tại công ty

1.3.1. Các văn bản luật [1]

Bảng 1. 1. Các văn bản luật

STT	Số kí hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
1	10/2012/QH13	18/06/2012	Bộ Luật lao động
2	84/2015/QH13	25/06/2015	Luật an toàn vệ sinh lao động
3	06/2007/QH12	21/11/2007	Luật hóa chất
4	58/2014/QH13	20/11/2014	Luật bảo hiểm xã hội
5	27/2001/QH10	29/06/2011	Luật phòng cháy chữa cháy
6	68/2006/QH11	29/06/2006	Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật
7	15/1999/QH10	21/12/1999	Bộ luật hình sự

8	40/2013/QH13	21/11/2013	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật phòng cháy chữa cháy
---	--------------	------------	--

1.3.2. Các văn bản nghị định

Bảng 1. 2. Các nghị định áp dụng tại Công ty Kinden Việt Nam

STT	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
1	115/2015/NĐ-CP	11/11/2015	Nghị định hướng dẫn một số điều của luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.
2	59/2007/NĐ-CP	09/04/2007	Nghị định về quản lý chất thải rắn
3	45/2013/NĐ-CP	10/05/2013	Nghị định quy định chi tiết một số điều của bộ luật lao động về thời gian nghỉ ngơi và an toàn vệ sinh lao động
4	95/2013/NĐ-CP	22/08/2013	Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người Việt Nam đi làm ở nước ngoài theo hợp đồng.
5	79/2014/NĐ-CP	31/07/2014	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của luật PCCC và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật PCCC
6	59/2015/NĐ-CP	18/06/2015	Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng
7	37/2016/NĐ-CP	15/05/2016	Nghị định về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.
8	39/2016/NĐ-CP	15/05/2016	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn vệ sinh lao động.
9	44/2016/NĐ-CP	15/05/2016	Nghị định quy định chi tiết một số điều của luật an toàn vệ sinh lao động về hoạt động

			kiểm định kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường.
--	--	--	---

1.3.3. Các thông tư

Bảng 1. 3. Các thông tư áp dụng tại Công ty Kinden Việt Nam

STT	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
1	08/1998/TTLT-BYT-BLĐTBXH	20/04/1998	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện các quy định về nghề nghiệp.
2	09/2000/TT-BYT	28/04/2000	Thông tư hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
3	12/2006/TT-BYT	10/11/2006	Thông tư hướng dẫn khám bệnh nghề nghiệp
4	01/2007/TTLT-BLĐTBXH-BCA-VKSNDTC	12/02/2007	Thông tư hướng dẫn phối hợp trong công việc giải quyết các vụ tai nạn lao động khác có dấu hiệu tội phạm
5	03/3007/TT-BLĐTBXH	30/01/2007	Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 152/2006/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của luật bảo hiểm xã hội về BHXH bắt buộc
6	07/2010/TT-BXD	28/07/2010	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn cho nhà máy và công trình

7	22/2010/TT-BCT	03/12/2010	Thông tư quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình
8	43/2010/TT-BCT	29/12/2010	Thông tư quy định công tác quản lý an toàn trong ngành công thương
9	01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT	10/01/2011	Thông tư liên tịch hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động trong cơ sở lao động
10	04/2011/TT-BCT	16/02/2011	Thông tư quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện
11	04/2011/TT/BXD	05/05/2011	Thông tư ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đối với các nghề thuộc lĩnh vực xây dựng
12	19/2011/TT-BYT	06/06/2011	Thông tư hướng dẫn quản lý an toàn vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp
13	20/2011/TT-BLĐTBXH	29/07/2011	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh lao động đối với máy hàn điện và công việc hàn điện
14	04/2012/TT-BLĐTBXH	16/02/2012	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mũ an toàn công nghiệp

15	05/2012/TT-BLĐTBXH	30/03/2012	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thiết bị nâng
16	07/2012/TT-BLĐTBXH	16/04/2012	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị bảo vệ đường hô hấp- bộ lọc bụi
17	12/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT	21/05/2012	Thông tư hướng dẫn việc khai báo điều tra, thống kê báo cáo tai nạn lao động
18	25/2012/TT-BLĐTBXH	25/10/2012	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với bộ lọc dùng trong mặt nạ và bán mặt nạ phòng độc
19	34/2012/TT-BLĐTBXH	24/12/2012	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với dụng cụ điện cầm tay truyền bằng động cơ
20	05/2013/TT-BLĐ	24/04/2013	Thông tư ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đối với các nghề: vận hành máy móc xây dựng, vận hành nhà máy xử lý chất thải rắn và điện dân dụng
21	14/2013/TT-BYT	06/05/2013	Thông tư hướng dẫn khám sức khỏe
22	11/2013/TT-BLĐTBXH	11/06/2013	Thông tư ban hành danh mục công việc nhẹ được sử dụng người dưới 15 tuổi làm việc

23	28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH	27/09/2013	Thông tư liên tịch quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích bệnh tật và bệnh nghề nghiệp
24	25/2013/TT-BLĐTBXH	18/10/2013	Thông tư hướng dẫn chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm độc hại
25	26/2013/TT-BLĐTBXH	18/10/2013	Thông tư ban hành danh mục công việc không sử dụng lao động nữ
26	27/2013/TT-BLĐTBXH	18/10/2013	Thông tư huấn luyện về công tác an toàn lao động vệ sinh lao động.
27	35/2013/TT-BGTVT	21/10/2013	Thông tư quy định về xếp hàng hóa trên xe ô tô khi tham gia giao thông trên đường bộ
28	21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT	27/12/2013	Thông tư liên tịch quy định về dấu hiệu nhận biết về các loại đường dây, cáp và đường ống đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.
29	36/2013/TT-BLĐTBXH	30/12/2013	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với sàn thao tác treo.

30	37/2013/TT-BLĐTBXH	30/12/2013	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với pa lăng điện
31	38/2013/TT-BLĐTBXH	30/12/2013	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện đối với ống cách điện có chứa bột và sào cách điện dạng đạch dùng để làm việc có điện.
32	39/2013/TT-BLĐTBXH	30/12/2013	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với giày và ủng cách điện
33	40/2013/TT-BLĐTBXH	30/12/2013	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy vận thăng
34	41/2013/TT-BLĐTBXH	30/12/2013	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy hàn hơi
35	04/2014/TT-BLĐTBXH	12/02/2014	Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân
36	05/2014/TT-BLĐTBXH	06/03/2014	Thông tư ban hành danh mục máy, thiết bị ,vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
37	06/2014/TT-BLĐTBXH	06/03/2014	Thông tư quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy móc, thiết bị ,vật tư

			có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
38	07/2014/TT-BLĐTBXH	06/03/2014	Thông tư ban hành 27 quy trình kiểm định kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị ,vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
39	40/2014/TT-BTNMT	11/07/2014	Thông tư quy định việc hành nghề khoan dưới đất
40	14/2014/TT-BXD	05/09/2014	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng
41	31/2014/TT-BCT	02/10/2014	Thông tư quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện
42	36/2014/TT-BLĐTBXH	30/12/2014	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hệ thống chống rơi ngã cá nhân
43	37/2014-TT-BLĐTBXH	31/12/2014	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với găng tay cách điện
44	04/2015/TT-BLĐTBXH	02/02/2015	Thông tư hướng dẫn chế độ thực hiện bồi thường trợ cấp, chi phí y tế của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

1.3.4. Các Quyết định

Bảng 1. 4. Các quyết định áp dụng tại Kinden Việt Nam

STT	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
1	3733/2002/QĐ-BYT	10/10/2002	Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số an toàn vệ sinh lao động
2	02/2006/QĐ-BLĐTBXH	16/02/2006	Quyết định ban hành quy chế sử dụng phiếu tự kiểm tra thực hiện pháp luật lao động
3	12/2008/QĐ-BCT	17/06/2008	Quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.
4	64/2008/QĐ-BLĐTBXH	27/11/2008	Quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động nôi hơi và bình chịu áp lực
5	73/2011/QĐ-UBND	15/11/2011	Quyết định ban hành về việc sử dụng cần trục tháp tại các công trình xây dựng trên địa bàn TP. HCM
6	4244/QĐ- BKHCN	31/12/2013	Quyết định về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia về bình chứa khí

- Về mặt các văn bản pháp luật có liên quan tới môi trường và an toàn sức khỏe người lao động đã được cập nhật đầy đủ. Các văn bản cũ đã được thay thế bằng các văn bản mới, hoặc các văn bản bổ sung, sửa đổi một cách thường xuyên, có khoa học và đầy đủ theo đúng yêu cầu của pháp luật và đúng theo tình hình pháp luật của nhà nước.

- Các văn bản pháp luật về công tác ATVSLĐ, được cập nhật và áp dụng triệt để nhằm đảm bảo yêu cầu, tình hình sản xuất tại công trường, đảm bảo môi trường làm việc an toàn,

hiệu quả, đáp ứng tiêu chuẩn ATVSLĐ, nhằm nâng cao chính sách, nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng, nâng cao uy tín và phát triển công trường. Đảm bảo môi trường lao động tốt cho NLĐ, điều kiện vệ sinh lao động đạt tiêu chuẩn ATVSLĐ, quy trình làm việc an toàn, công nghệ, hiện đại hơn.

- Qua việc làm trên việc phổ biến luật mang lại một hiệu quả đáng kể giúp cho tỷ lệ tai nạn lao động tại nơi làm việc giảm đi đáng kể. Ngoài việc phổ biến qua dán giấy Công ty còn tổ chức những buổi huấn luyện để hướng dẫn cho NLĐ làm đúng theo quy định.

- Triển khai phổ biến các văn bản pháp lý của công ty được thực hiện qua nhiều hình thức: triển khai rõ ràng và kịp thời xuống các bộ phận đơn vị dữ liệu lưu trữ bằng file giấy; do chuyên viên An toàn của Ban bảo hộ lao động phụ trách. Cách lưu trữ bằng máy tính rất tiện lợi, dễ truy cập và tìm kiếm khi cần thiết, bên cạnh thuận lợi thì nó cũng có vài bất lợi như khi máy tính xảy ra sự cố sẽ rất dễ dẫn đến mất toàn bộ dữ liệu. Song song với cách lưu trữ bằng máy tính thì cách lưu trữ bằng giấy tờ, tuy có hơi tốn kém, bất tiện khi tìm kiếm, tra luật, tốn vị trí lưu trữ, dễ rách nhưng nó lại khó có thể mất.

- Vấn đề tuân thủ các yêu cầu của luật pháp tại công trường được người lao động chấp hành rất tốt và đúng yêu cầu, nhưng để phát huy hết hiệu quả của việc thực hiện khoa học và tự giác thì đòi hỏi cần phải có thời gian và phương thức duy trì làm sao để những yêu cầu này sẽ trở thành thói quen tốt cho người lao động luôn có. Công trường đã trang bị các bảng thông tin với hình ảnh minh họa dễ hiểu nhưng đúng yêu cầu của các điều luật, tổ chức các buổi họp báo, nói chuyện chuyên đề về luật, huấn luyện về các vấn đề an toàn sức khỏe lao động tại công trường.

- Phổ biến đến tất cả các bộ phận, phòng ban tại công trường và thông qua các kênh như sinh hoạt công nhân; bảng tin tại công trường; TBM đầu ngày làm việc; công tác đào tạo huấn luyện.

Bảng 1. 5. Danh mục tiêu chuẩn công ty đã và đang thực hiện được

STT	Số hiệu	Tên tiêu chuẩn
1	ISO 9001:2015	Hệ thống quản lý chất lượng
2	OHSAS 18001:2007	Hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp

Hệ thống các văn bản pháp luật trên được áp dụng cụ thể trong các quy trình của hệ thống ISO 9001:2015 mà công trường đang thực hiện, cũng như trong nội quy tại công trường. Việc áp dụng được vận hành tốt, cập nhật bổ sung hồ sơ trong hệ thống ISO của công trường được kịp thời nhanh chóng.

Công ty Kinden đã và đang áp dụng hệ thống OHSAS 18001:2007. Việc áp dụng hệ thống OHSAS 18001:2007 sẽ giúp công ty có cấu trúc quản lý rõ ràng với trách nhiệm và quyền hạn được xác định, các mục tiêu rõ ràng để cải tiến, với kết quả đo lường được và phương pháp được xây dựng để đánh giá rủi ro. Điều này bao gồm theo dõi việc thiếu khả năng quản lý an toàn sức khỏe, đánh giá hoạt động và xem xét chính sách và mục tiêu. Ngoài ra, quản lý rủi ro được cải tiến – thông qua việc xác định rõ ràng các sự cố tiềm ẩn và áp dụng kiểm soát và đo lường.

1.4. Nội quy quy định về ATVSLĐ tại công trường.

Bảng 1. 6. Nội quy quy định của công ty Kinden Việt Nam [2]

STT	Nội quy quy định của công ty Kinden Việt Nam
1	Yêu cầu chung cho giám sát và an toàn thầu phụ
2	Nội quy ra vào công trường
3	Quy định an toàn công tác khoan
4	Quy định an toàn sử dụng thang
5	Cấm sử dụng thang tre
6	Biện pháp di chuyển xe nâng ra vào công trường

7	Quy định xử phạt ATVSLĐ
8	Quy định sử dụng nón bảo hộ
9	Quy định huấn luyện ATVSLĐ
10	Thông báo về việc họp an toàn tháng
11	Quy định áp dụng giấy tờ an toàn
12	Quy định áp dụng tem nhãn an toàn
13	Quy định sử dụng áo phản quang
14	Thông báo về việc lập kế hoạch an toàn
15	Quy định về việc hút thuốc
16	Hướng dẫn sử dụng máy móc thiết bị
17	Quy định an toàn khi sử dụng giàn giáo

Hệ thống quy định an toàn tại công trường nhìn chung đầy đủ, luôn tuân thủ đúng các yêu cầu của pháp luật. Các nội quy, quy định, quy trình làm việc an toàn, hướng dẫn công việc đều có sẵn tại nơi làm việc. Các nội quy này đều do phòng an toàn soạn thảo ban hành dựa trên tình hình thực tế của công trường để xây dựng. Các nội quy, quy định của công trường được phổ biến thông qua các buổi nói chuyện an toàn hằng ngày và trong các buổi họp an toàn hằng tháng giúp cho công nhân dễ hiểu hơn nội dung cũng như mục đích của các nội quy, quy định nói trên. Hình thức xử phạt các hành vi vi phạm nội quy, quy định của công trường sẽ lập biên bản vi phạm an toàn lao động và phạt tiền theo nội quy của công ty.

Do quá trình cải cách kế hoạch an toàn lao động để hạn chế tai nạn lao động tối đa nên hiện tại vẫn còn một số vấn đề như: một số biển báo chỉ dẫn cũ vẫn được sử dụng và một số nội quy mới nên nhà thầu phụ và công nhân vẫn chưa nắm bắt kịp thời.

Sau thời gian hoạt động và triển khai việc đảm bảo thực hiện các yêu cầu của văn bản pháp lý cấp cơ sở rất có hiệu quả trong việc sản xuất tại công trường, và thái độ chấp hành, tuân thủ các nội quy, quy định của người lao động rất tốt nên hiệu quả công việc được nâng cao.

1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy ATVSLĐ tại các công trường

Bảng 1. 7. Cơ cấu tổ chức bộ phận ATVSLĐ tại các công trường

KATSUHISA UCHIDA	Quản lý an toàn
NGUYỄN QUỐC LONG	Trưởng ban an toàn
LƯƠNG DUY NAM	Trưởng nhóm an toàn khu vực
CÁC THÀNH VIÊN KHÁC TRONG BỘ PHẬN	Giám sát an toàn

Cán bộ làm công tác ATVSLĐ có chuyên môn, nghiệp vụ về kỹ thuật an toàn, VSLĐ, có hiểu biết về thực tiễn hoạt động thi công tại công trường. Bộ phận ATVSLĐ có liên kết chặt chẽ với bộ phận kỹ thuật cũng như kỹ sư giám sát thi công của các nhà thầu để thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo công tác ATVSLĐ. Bộ phận ATVSLĐ có tiến hành xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động về:

- Phòng, chống cháy nổ tại công trường
- Đánh giá rủi ro và kiểm soát rủi ro
- Quy trình làm việc an toàn cho công việc, cho máy móc thiết bị có nguy cơ cao.
- Chương trình, kế hoạch cấp phát PTBVCN
- An toàn điện
- Xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp
- Tổ chức huấn luyện về ATVSLĐ cho công nhân.

Bộ phận ATVSLĐ có nhiệm vụ:

- Giám sát việc thực hiện các quy định về ATVSLĐ, huấn luyện ATVSLĐ.
- Tổ chức mạng lưới ATVSLĐ, triển khai thực hiện công tác bảo hộ lao động.
- Đôn đốc nhắc nhở cán bộ công nhân viên chấp hành nội quy ATLD tại kho, khu gia công, xưởng.
- Báo cáo công tác bảo hộ lao động theo nội quy của công ty đề ra.

- Báo cáo các hoạt động về công tác ATVSLĐ tại công trường rất cụ thể và rõ ràng. Định kỳ hàng tháng cán bộ an toàn có thường xuyên họp để củng cố, đánh giá kết quả làm được trong tuần cũng như cách khắc phục những mặt còn tồn tại chưa làm được, triển khai các công việc tiếp theo cần tiến hành. Cán bộ an toàn vệ sinh lao động có tiến hành giám sát công việc cụ thể và việc tiến hành xây dựng nội quy, quy định, quy chế, quy trình nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động trong tất cả các mặt: phòng, chống cháy nổ trong công trường; đánh giá rủi ro và kiểm soát rủi ro, quy trình làm việc an toàn cho công việc, cho máy móc thiết bị có nguy cơ cao, chương trình, kế hoạch cấp phát PTBVCN; an toàn điện, xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, tổ chức huấn luyện về ATVSLĐ cho người lao động tại công trường. Nhìn chung thì công tác ATVSLĐ tại công trường được ban Bảo hộ lao động rất quan tâm và luôn duy trì, kiểm soát chặt chẽ.

Nhận xét:

Trong suốt quá trình làm việc trên công trường luôn bố trí cán bộ an toàn tiến hành giám sát, theo dõi các công việc và quá trình thi công diễn ra, ghi nhận các hiện trường và ghi chép sổ nhật kí công trường. Nếu thấy xuất hiện mối nguy ngay lập tức. Tất cả những thành viên trong bộ phận này đều có nhận thức tốt về công tác ATVSLĐ có thái độ làm việc chăm chỉ, coi trọng an toàn và đưa tính mạng, sức khỏe NLD lên hàng đầu.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ QUY TRÌNH NHẬN DIỆN MỐI NGUY VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO

2.1. Tổng quan về môi trường lao động

Để có thể nhận diện được đầy đủ, chính xác và thể hiện bản chất của mối nguy thì ta phải hiểu rõ mối nguy xuất hiện, hình thành thành từ đâu và biến đổi như thế nào trong môi trường lao động sản xuất.

Mối nguy luôn tồn tại trong môi trường lao động. Quá trình hình thành lao động dựa trên ba yếu tố cơ bản đầu tiên là người lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động. Vì vậy muốn nhận diện được tất cả các mối nguy, ta phải dựa trên ba yếu tố đó, lấy đó làm cơ bản để nhận diện mối nguy tiềm ẩn.

Thực tế, điều kiện lao động không chỉ có 3 yếu tố trên mà còn phụ thuộc vào các yếu tố khác như phương tiện lao động, tổ chức sản xuất, mặt bằng, nhà xưởng... nó bao gồm tất cả những gì xuất hiện trong quá trình sản xuất có liên quan đến quá trình lao động.

Có thể thấy mối nguy hiểm luôn tiềm ẩn hoặc hiện hữu trong quá trình lao động. Mà lao động là mối quan hệ, tác động qua lại của nhiều yếu tố. Nên nếu hiểu rõ được bản chất các yếu tố đó, là tiền đề để chúng ta nhận diện được mối nguy và phân loại nó một cách chính xác nhất. Yếu tố bao hàm nhiều nhất chính là điều kiện lao động. Điều kiện lao động được hình thành từ 14 yếu tố và được chia thành 4 nhóm: nhóm điều kiện lao động nguy hiểm, nhóm điều kiện môi trường lao động, nhóm điều kiện lao động tâm sinh lý lao động và nhóm điều kiện tâm lý xã hội.

Trong đó, nhóm điều kiện lao động nguy hiểm tạo nên yếu tố nguy hiểm gây tai nạn lao động và 3 nhóm môi trường lao động, tâm sinh lý lao động và tâm lý xã hội hợp thành yếu tố nguy hại gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

Vì thế, hai yếu tố nguy hiểm và nguy hại không thể gộp chung lại với nhau vì bản chất của mối nguy hiểm là gây chấn thương, tai nạn lao động còn mối nguy hại là gây ảnh hưởng đến sức khỏe của nguồn lao động.

Vậy nên muốn biết nó là loại mối nguy gì, bản chất như thế nào, có gây tác động đến cơ thể con người nhiều hay không. Thì trước tiên ta phải hiểu rõ được các khái niệm liên quan đến quy trình đánh giá rủi ro .

2.1.1. Khái niệm lao động

Lao động là hoạt động có ý thức của con người, dùng công cụ lao động, tác động vào đối tượng lao động để biến nó thành sản phẩm phục vụ cho nhu cầu cho xã hội và cho chính mình. Quá trình lao động hình thành thì đồng thời sẽ hình thành nên điều kiện lao động.

2.1.2. Khái niệm Môi trường lao động

Môi trường lao động là toàn bộ nói chung các yếu tố tự nhiên, xã hội, sản xuất, lao động trong đó có con người tồn tại, lao động, phát triển trong quan hệ với người lao động đó.

Xuất hiện trong khái niệm môi trường lao động là các yếu tố tự nhiên, yếu tố xã hội, yếu tố sản xuất, lao động và con người:

- Yếu tố tự nhiên xuất hiện vì môi trường lao động là 1 bộ phận cấu thành nên môi trường chung. Và các yếu tố tự nhiên cũng mang tính chất đặc trưng của môi trường chung như: không khí, ánh sáng, độ ẩm, bức xạ nhiệt, tốc độ gió.... Nếu môi trường chung bị ô nhiễm thì môi trường lao động cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự ô nhiễm đó, hoặc môi trường lao động bị ô nhiễm muốn cần phải xử lý ô nhiễm thì công việc này phụ thuộc vào chất lượng môi trường bên ngoài.

- Yếu tố sản xuất lao động xuất hiện vì quá trình lao động là yếu tố cơ bản cấu thành nên môi trường lao động. Yếu tố lao động sản xuất còn bao gồm các yếu tố như nguyên , nhiên liệu, máy móc thiết bị, công cụ lao động mà người lao động sử dụng trong quá trình lao động để tạo ra sản phẩm.

- Yếu tố con người xuất hiện bởi con người chính là chủ thể của hành động, là đối tượng tác động và biến đổi môi trường, đồng thời là đối tượng tiếp nhận trực tiếp những tác động ngược trở lại của môi trường.

- Yếu tố xã hội: Tại nơi làm việc không chỉ có 1 người làm việc mà có nhiều người với vai trò khác nhau: giám đốc, quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ an toàn, đội ngũ người lao động... mọi người tác động lẫn nhau thông qua gián tiếp, cùng nhau làm việc, thông qua các quy định các chế độ chính sách... ngoài ra, người lao động còn có 1 thành viên của gia đình, 1 yếu tố xã hội, nằm trong mạng lưới rất chằng chịt các quang hệ, và tất cả các mối quan hệ đó đều tác động đến tâm lý người lao động. Ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến công việc, năng suất lao động. Các yếu tố xã hội có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đối với người lao động.

Lấy ví dụ: Người lao động làm việc tại công trường xây dựng. Phân tích các yếu tố cấu thành nên môi trường lao động của người lao động:

- Yếu tố tự nhiên: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bức xạ..., các yếu tố vật lý: ánh sáng, tiếng ồn....

- Yếu tố lao động, sản xuất: sắt thép, gạch bê tông...

- Yếu tố con người: chính bản thân người lao động đang làm việc tại đó.

- Yếu tố xã hội : quan hệ giữa công nhân với giám sát, chỉ huy trưởng, giữa các công nhân trong từng phân đoạn với nhau,...Quan hệ này có thể thân thiết, vui vẻ điều này giúp người lao động thấy vui vẻ trong công việc từ đó năng suất, chất lượng lao động tăng cao. Nhưng nếu quan hệ này không được hòa đồng vui vẻ mà thay vào đó là mâu thuẫn xích mích thì ảnh hưởng không tốt đến tâm lý người lao động, họ cảm thấy tức tối, căng thẳng trong suốt ca làm việc dẫn đến mệt mỏi, khó chịu về tinh thần, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm giảm xuống.

- Tập hợp tất cả các yếu tố nói trên sẽ tạo thành môi trường lao động riêng biệt của công nhân xây dựng.

2.1.3 Các yếu tố hình thành nên môi trường lao động

Môi trường lao động là nơi xảy ra quá trình lao động trong quan hệ với quá trình lao động đó. Yếu tố môi trường lao động rất nhiều xong các nghiên cứu đưa ra hơn mười yếu tố đặc trưng tác động đến An toàn sức khỏe người lao động trong quá trình lao động được gọi là điều kiện lao động thuộc yếu tố môi trường lao động.

Môi trường lao động có nhiều yếu tố nhưng có 10 yếu tố đặc trưng: [3]

- Vi khí hậu
- Áp lực không khí
- Nồng độ hơi khí độc
- Nồng độ bụi
- Tiếng ồn
- Siêu âm
- Rung động
- Bức xạ điện từ
- Bức xạ ion hóa

- Các vi sinh vật

2.1.4. Khái niệm điều kiện lao động

Trong hoạt động sản xuất, người lao động phải làm việc trong một điều kiện nhất định, gọi chung là điều kiện lao động.

Điều kiện lao động là tổng thể các yếu tố tự nhiên, xã hội, kinh tế, tổ chức, kỹ thuật được biểu hiện thông qua các công cụ và phương tiện lao động, đối tượng lao động, quá trình công nghệ. Môi trường lao động, và sự sắp xếp bố trí chúng trong không gian và thời gian, sự tác động qua lại của chúng trong mối quan hệ với người lao động tại chỗ làm việc tạo nên một điều kiện lao động nhất định cho con người trong quá trình lao động.

Điều kiện lao động là tổng thể các yếu tố kỹ thuật, tổ chức lao động, kinh tế, tự nhiên, thể hiện qua quá trình công nghệ, công cụ lao động, đối tượng lao động, năng lực của người lao động và sự tác động qua lại giữa các yếu tố đó tạo nên điều kiện làm việc của con người trong quá trình lao động sản xuất.

Điều kiện lao động là tập hợp các yếu tố tự nhiên, xã hội, sản xuất, lao động trong quan hệ với người lao động đang thực hiện qua trình lao động. Điều kiện lao động như thế nào là do sự phát triển của lực lượng sản xuất và bản chất của mối quan hệ sản xuất quyết định.

Điều kiện lao động ảnh hưởng đến các cơ quan chức năng của con người, tới khả năng lao động, sức khỏe và sự phát triển toàn diện, lao động sáng tạo, tới quan hệ con người với lao động và cuối cùng ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất, hiệu quả lao động của người lao động trong hiện tại và lâu dài.

Có nhiều yếu tố tham gia điều kiện lao động nhưng chủ yếu có 14 yếu tố hình thành điều kiện lao động: [3]

- Người lao động
- Công cụ lao động
- Phương tiện lao động
- Đối tượng lao động
- Quá trình công nghệ
- Tổ chức sản xuất
- Tổ chức lao động
- Tổ chức quản lý

- Tiêu chuẩn vệ sinh, quy phạm
- Tâm lý xã hội
- Thảm mĩ công nghiệp
- Chế độ xã hội
- Kinh tế
- Địa lý, địa chất, sinh học

2.1.5. Các nhóm điều kiện lao động

Có 4 nhóm điều kiện lao động: [3]

- Nhóm điều kiện lao động nguy hiểm: xuất hiện trong sản xuất, tác động đến người lao động, gây chấn thương tai nạn lao động.
- Nhóm điều kiện lao động môi trường lao động: các yếu tố thuộc môi trường có ảnh hưởng đến người lao động trong quá trình hoạt động sản xuất.
- Nhóm điều kiện lao động tâm sinh lý lao động: đây là những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của người lao động.
- Nhóm điều kiện lao động tâm lý xã hội: là những yếu tố tồn tại trong những xã hội, bao gồm các mối liên hệ giữa người – người, người – máy, có ảnh hưởng đến tâm lý người lao động.

Về nhóm điều kiện lao động tâm lý xã hội chưa được làm rõ ràng, chỉ mới được nghiên cứu nên ở đây chỉ xét về nhóm điều kiện lao động nguy hiểm, môi trường lao động và tâm sinh lý lao động.

Các nhóm điều kiện lao động nguy hiểm: [3]

- Các yếu tố nguy hiểm: là các yếu tố có thể tác động một cách đột ngột lên cơ thể người lao động gây chấn thương, tai nạn lao động, các yếu tố nguy hiểm bao gồm:
 - Yếu tố nguy hiểm gây chấn thương cơ học: gồm các bộ phận truyền động, chuyển động (đai truyền, bánh răng, máy phay, máy bào,...), vật rơi từ trên cao, vật văng bắn, gãy sập các kết cấu (phoi văng bắn, sập đồ giàn giáo, rơi vãi các vật liệu trên cao,...).
 - Yếu tố gây nguy hiểm về điện: điện giật, chập điện, ò điện gây chết người, bỏng, cháy nổ,...

- Yếu tố gây nguy hiểm về nhiệt: cháy, tia lửa, ngọn lửa, vật bị nung nóng, hơi khí nóng,...
- Yếu tố gây nguy hiểm về hóa học: các loại hóa chất độc hại, hơi khí độc,...
- Yếu tố nguy hiểm gây nổ: nổ hóa học khi phát sinh một hỗn hợp (bụi, khí, chất lỏng... ở nồng độ nhất định trong không khí tiếp xúc với nguồn lửa), nổ lý học, vật chất, thiết bị dễ nổ, các hơi khí dễ nổ khi vị tá động, vaath bị nén, thiết bị chứa khí nén,...

Các nhóm điều kiện lao động có hại: [3]

Yếu tố có hại trong lao động sản xuất là các yếu tố gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người lao động, các yếu tố hại bao gồm:

- Các yếu tố vật lý: điều kiện khí hậu, tiếng nổ rung sóc, chiếu sáng, áp suất, các tia tử ngoại, chất phóng xạ,...
- Các yếu tố hóa học: bụi, chất độc hại, hơi khí độc,...
- Các yếu tố sinh học: các loại vi khuẩn gây bệnh, vi sinh vật gây hại, nấm mốc, mần bệnh,...
- Các yếu tố sinh lý lao động: là các yếu tố sinh trưởng và phát triển bình thường của cơ thể người lao động như mức tiêu hao năng lượng, biến đổi nhịp tim khi lao động, mức độ tập trung, căng thẳng khi làm việc, thời gian làm việc nghỉ ngơi không hợp lý, tư thế làm việc gò bó không thoải mái, công cụ sản xuất không phù hợp,...
- Yếu tố tâm lý xã hội: gồm mối quan hệ của những người trong tổ sản xuất, trong tập thể, các vấn đề an ninh xã hội, phúc lợi, các yếu tố thuộc môi trường xã hội,...

2.1.6. Vùng phơi nhiễm

Vùng phơi nhiễm là khoảng không gian xác định trong đó các yếu tố có hại tác động liên tục lên người lao động thông qua phơi nhiễm qua hô hấp, tiêu hóa, da ảnh hưởng đến sức khỏe, khả năng lao động của người lao động lâu ngày dẫn đến bệnh nghề nghiệp.

2.1.7 Vùng nguy hiểm

Vùng nguy hiểm là khoảng không gian xác định trong đó các yếu tố nguy hiểm tác động một cách thường xuyên, chu kỳ hoặc bất ngờ dễ gây tai nạn cho người lao động nếu không có biện pháp phòng ngừa.

2.2. Tổng quát về đánh giá rủi ro

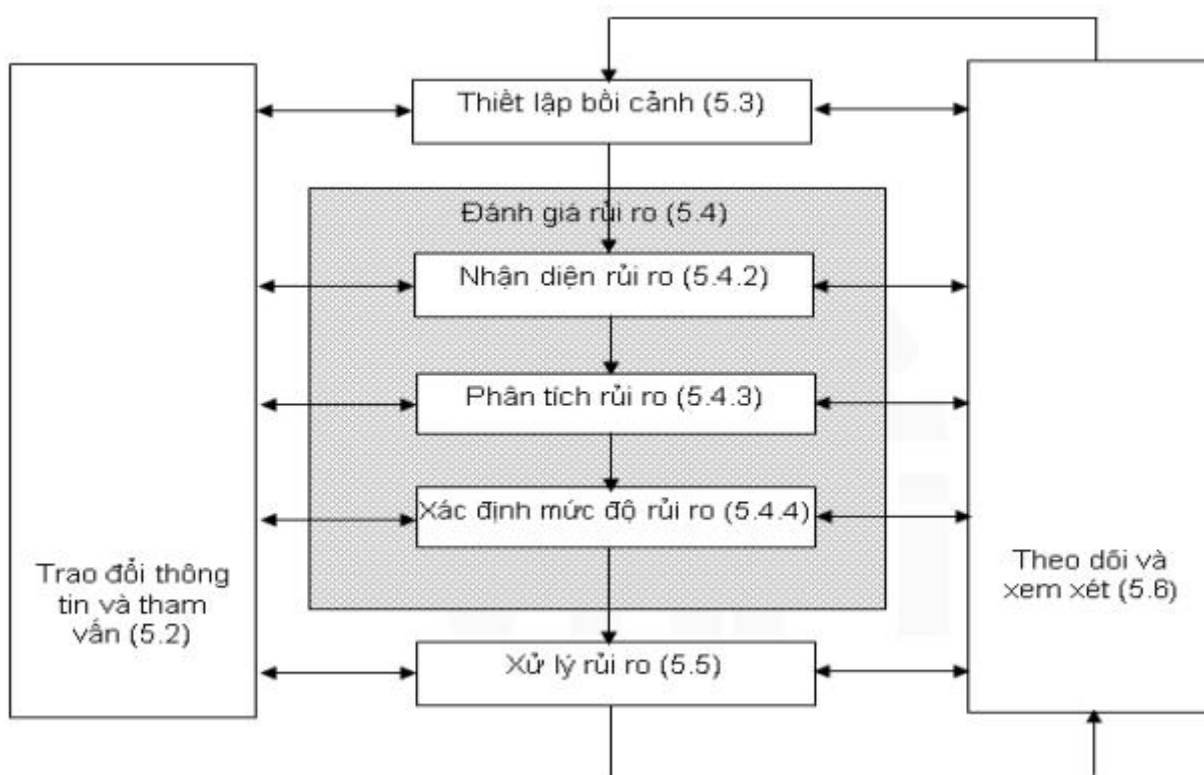
Đánh giá rủi ro cung cấp cho người ra quyết định và các bên chịu trách nhiệm hiểu biết cao hơn về rủi ro cũng như mức độ ảnh hưởng, tác động của rủi ro đó đến quá trình lao động. Từ đó làm cơ sở để doanh nghiệp quyết định phương pháp quản lý rủi ro đảm bảo mức độ an toàn tối đa cho môi trường làm việc của doanh nghiệp đó.

2.2.1. Khái niệm đánh giá rủi ro

Là yếu tố, nguồn hay tình huống có khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe, gây thương vong, tai nạn cho con người, hư hỏng, tổn thất tài sản hoặc tác động có hại đến môi trường. [4]

2.2.2. Các phương pháp đánh giá rủi ro

Quản lý rủi ro là một quá trình tổng thể bao gồm nhận diện môi nguy, phân tích rủi ro, xác định mức độ rủi ro. [5]



Hình 2. 1. Quá trình quản lý rủi ro.

Các rủi ro phân định theo mức độ, quy mô, tính chất của các dự án, nhà xưởng. Đặc biệt, phải hiểu biết rõ về rủi ro đó nó cung cấp đầu vào cho việc lựa chọn công cụ và phương pháp đánh giá rủi ro thích hợp trong từng bối cảnh riêng biệt.

Tuy nhiên phải chú ý đến một hành động có thể tích hợp nhiều rủi ro. Vì vậy có thể cần nhiều công cụ và phương pháp để giải quyết các rủi ro phức tạp.

Các phương pháp sử dụng trong phân tích đánh giá rủi ro có thể là định tính, bán định hướng. Nhưng cụ thể là 4 phương pháp chính như sau:

- **Phương pháp kế thừa:** là phương pháp tận dụng những gì mà công ty mẹ đã nghiêm cứu bao gồm thiết bị máy móc, môi trường làm việc, người sử dụng máy móc,... Nếu áp dụng được phương pháp này thì sẽ mang lại hiệu quả cao và không mất nhiều thời gian. Tuy nhiên rất khó để áp dụng bởi nó đòi hỏi máy móc, môi trường làm việc phải tương đồng với công ty mẹ.

- **Phương pháp khảo sát thực tế:** được tiến hành trong khoảng thời gian người lao động thực hiện công việc đó trong khoảng thời gian dài. Phương pháp này nhằm mục đích ghi nhận các rủi ro, các vấn đề xảy ra trong thực tế tại công trường. Từ đó, đưa ra kết luận cuối cùng. Trước khi tiến hành cuộc khảo sát cần xác định rõ loại thông tin cần khảo sát nghĩa là ta sẽ khảo sát những mối nguy (người lao động, máy móc, môi trường) và đánh giá tác động của những mối nguy đó bằng cách theo dõi liên tục các hoạt động của máy móc đến khi mối nguy đó xảy ra. Tiếp theo đó ta định hướng thời gian cho mỗi nguy đó (Ví dụ: 6 tháng, 1 năm...)

- **Phương pháp tính xác suất:** ta sẽ đánh giá dựa trên ba phương diện chính để lấy số liệu tính xác suất như sau:

Quá trình lao động bao gồm bao nhiêu thao tác, người lao động tác động đến những thao tác đó như thế nào.

Máy móc thiết bị có bao nhiêu công đoạn, kích thước bao nhiêu, xảy ra lỗi ở bao nhiêu công đoạn?

Môi trường lao động có tác động đến người và máy móc như thế nào? Độ khắc nghiệt là bao nhiêu?

Từ đó ta lượng hóa được mức độ cho các mối nguy:

Khả năng xảy ra = thời gian * mức độ tác động

Đánh giá rủi ro = khả năng xảy ra * thiệt hại

- **Phương pháp chuyên gia:** đây là phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia. Tìm những chuyên gia có kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực kỹ thuật mà ta đang tìm hiểu, đồng thời phải có kiến thức trong lĩnh vực nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro. Họ liên tục tiếp xúc với những loại máy móc đó nên học sẽ biết được ưu nhược điểm cũng như tần suất xảy ra được học đánh giá là sát sao nhất. Ưu điểm của quá trình này là độ chính xác rất cao nhưng đồng thời cũng có những khuyết điểm như chi phí cao, đòi hỏi điều kiện thực tế nếu như khác loại máy móc mà chuyên gia không am hiểu,...

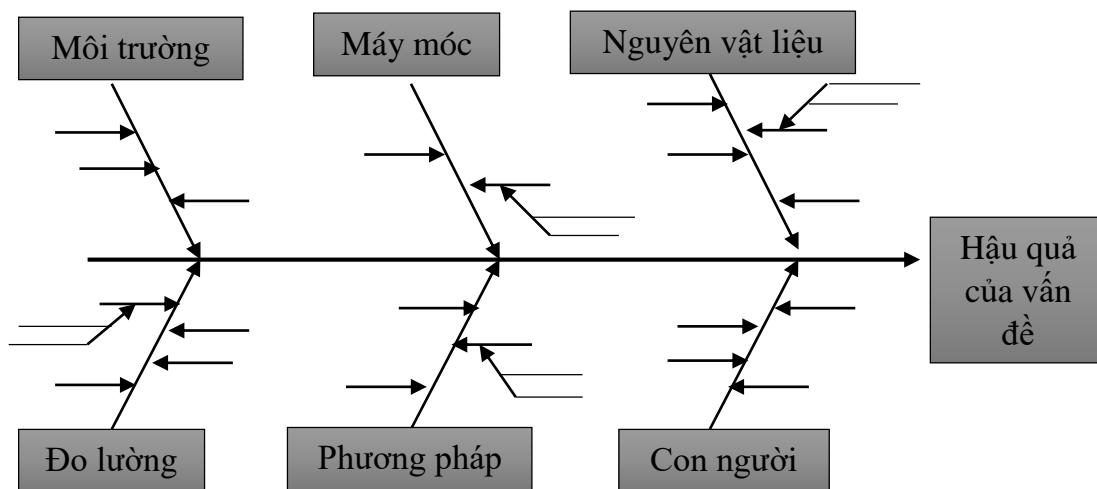
Các công cụ để hỗ trợ quá trình đánh giá rủi ro sẽ tùy vào tính chất của quy trình đánh giá rủi ro đó để chọn được phương pháp thích hợp nhất.

Nhưng chung quy thì việc đầu tiên cần làm là nhận diện đầy đủ, toàn bộ các mối nguy xuất hiện tại nơi làm việc, có thể thông qua tìm hiểu theo các phương thức sau:

- Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra lần trước
- Phân tích hồ sơ an toàn vệ sinh lao động.
- Khảo sát các yếu tố nguy hiểm, có hại xuất hiện tại nơi làm việc của người lao động.
- Tra cứu, tham khảo thông tin về nguyên vật liệu, quá trình sản xuất tồn tại các yếu tố nguy hiểm.
- Tham khảo ý kiến chuyên gia tương ứng với từng lĩnh vực chuyên môn.

Đồng thời phân tích nguyên nhân các mối nguy thông qua các công cụ sau:[7]

a. Sơ đồ xương cá



Hình 2. 2. Sơ đồ xương cá

Sơ đồ xương cá (Fish bone Diagram) hay còn gọi là sơ đồ Nguyên nhân-Kết quả, là 1 công cụ dùng để phân tích những khó khăn nảy sinh, giúp chúng ta tìm hiểu vấn đề một cách toàn diện và tìm ra các nguyên nhân tiềm ẩn của 1 vấn đề. Cái đầu là hậu quả, từng xương cá là nguyên nhân gốc rễ và các nhánh xương là nguyên nhân phụ.

Sơ đồ xương cá được thực hiện theo những bước sau:

- Xác định vấn đề: Ghi lại chính xác vấn đề 1 cách chi tiết (áp dụng phương pháp 5W-1H: Who, What, When, Where, Why, How: Ai? Làm việc gì? Khi nào? Ở đâu? Tại sao? Và làm như thế nào?). Viết vấn đề vào ô bên trái ở giữa tờ giấy, sau đó kẻ 1 đường ngang chia tờ giấy ra làm hai phần. Đây chính là phần đầu và xương sống của sơ đồ xương cá.

- Xác định nhóm nguyên nhân chính: Ứng với mỗi nhóm nguyên nhân chính vẽ 1 nhánh xương sườn vào sơ đồ. Thường nhóm nguyên nhân chính sẽ gồm các nhóm như sau: Con người, Máy móc thiết bị, Nguyên vật liệu, Môi trường, Hệ thống chính sách, Thông tin, Đo lường.

- Ứng với mỗi nhóm nguyên nhân chính tìm ra những nguyên nhân cụ thể có thể có. Nếu nguyên nhân quá phức tạp có thể chia nhỏ thành nhiều cấp. Phân tích sơ đồ: Sơ đồ đã xây dựng là 1 danh sách đầy đủ các nguyên nhân có thể xảy ra, chúng ta có thể tiến hành khảo sát, kiểm tra, đo lường... để xác định đâu là nguyên nhân chính rồi từ đó có kế hoạch cụ thể để sửa chữa.

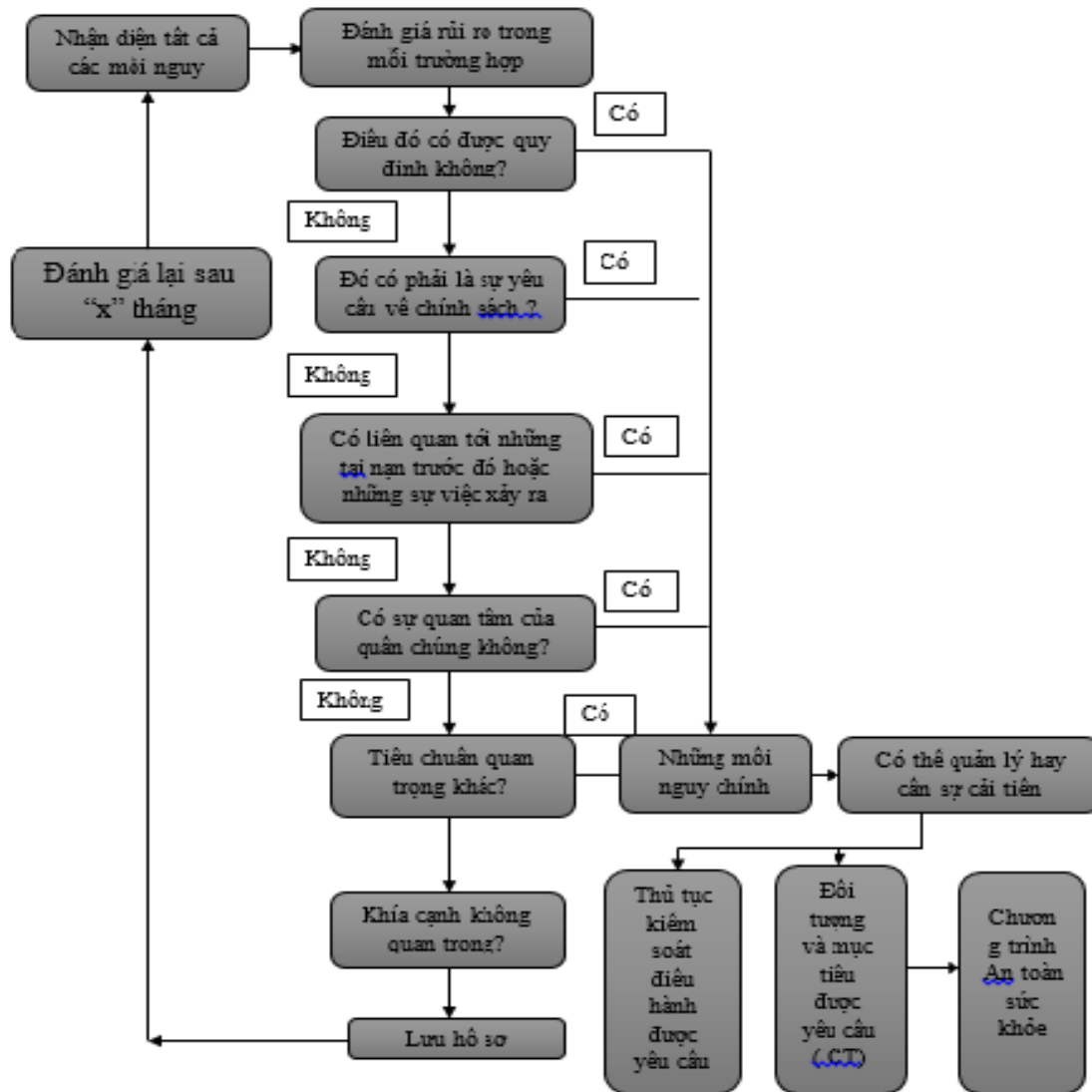
b. Câu hỏi 5 - Why

Phương pháp 5- Why bắt nguồn từ Toyota từ những năm 1970, là 1 trong những kỹ năng nâng cao khả năng giải quyết vấn đề. Đây là phương pháp đặt ra những câu hỏi: Tại sao cho đến khi tìm được nguyên nhân căn cơ của 1 vấn đề.

Việc dừng lại ở số lượng 5 câu hỏi Why không phải là bắt buộc, chúng ta có thể đi sâu hơn nếu đó chưa phải nguyên nhân căn cơ của vấn đề. Nhưng nếu chúng ta đi nhiều hơn mức 7 câu hỏi thì đó là dấu hiệu cho thấy chúng ta đã đi sai hướng hoặc vấn đề quá lớn, quá phức tạp cần phải chia nhỏ để phân tích.

c. Cây sai lầm

Cây sai lầm là phương pháp ra quyết định dựa vào sơ đồ thể hiện việc đánh giá các phương án quyết định thực hiện theo từng bước, là một công cụ giúp phân tích hiệu quả, biểu diễn trực quan các phương thức thay thế và các kết quả có thể xảy ra của chúng không đáng tin cậy.

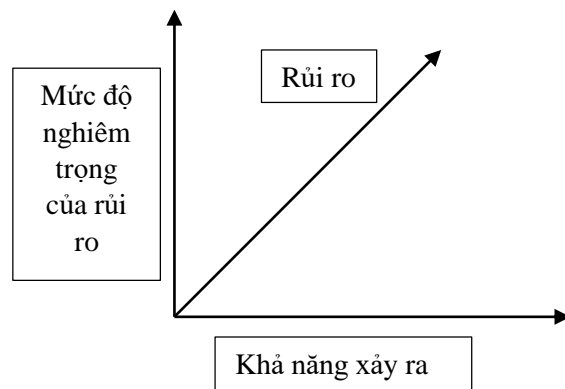


C.

Hình 2. 3. Sơ đồ cây sai lầm

Phương pháp ma trận rủi ro (Risk matrix):

Ma trận rủi ro là một ma trận được sử dụng trong suốt quá trình đánh giá rủi ro để nhận diện các mức độ khác nhau của rủi ro. Nó là tích số của xác suất xảy ra và mức độ nghiêm trọng của một loại tác hại.



Hình 2. 4. Sơ đồ rủi ro

Mức rủi ro = Mức độ nghiêm trọng * Khả năng xảy ra.

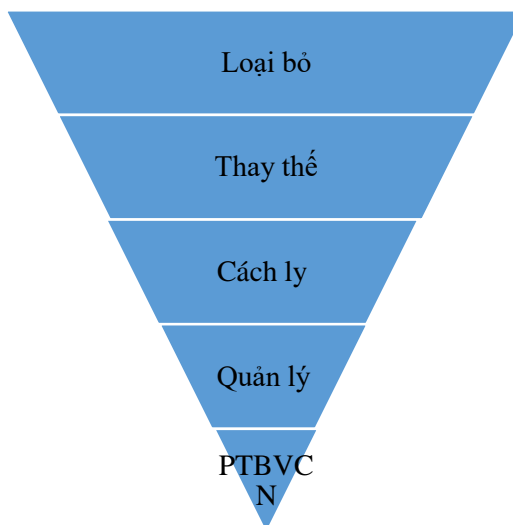
Trong đó, các tiêu chí về bảng đánh giá rủi ro phụ thuộc nhiều vào đặc điểm của loại hình sản xuất kinh doanh, văn hóa an toàn của công ty, tình hình tai nạn, hiện trạng tại công ty,...nên việc xác định các tiêu chí đánh giá rủi ro đúng, thích hợp với tình hình thực tiễn của công ty có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, khi đánh giá, xác định mức độ nghiêm trọng hay mức độ nghiêm trọng trong khi rủi ro xảy ra, cần chú ý xem xét đến đối tượng chịu tác động:

- Đối với những công nhân mới, trẻ, thiếu kinh nghiệm, công nhân mang thai có những khuyết tật trên cơ thể,... có thể tồn tại các nguy cơ đặc thù, khi sự cố xảy ra, chú ý xem xét các tổn thương, thiệt hại mà các đối tượng này phải gánh chịu.
- Với những người lao động không thường xuyên làm việc tại nơi sản xuất như công nhân vệ sinh nhà xưởng, công nhân bảo trì, khách quan... cũng cần chú ý quan tâm.
- Nếu phải làm việc theo tổ, nhóm, cần xem xét ảnh hưởng công việc của từng đối tượng đến những người khác và ngược lại.

3.2.3 Biện pháp kiểm soát và quản lý rủi ro

Có rất nhiều biện pháp để tiến hành kiểm soát và quản lý rủi ro, trong đó các biện pháp kiểm soát được phân cấp theo hệ thống cấp bậc của hình tam giác ngược, ưu tiên thực hiện các biện pháp ở đáy tam giác, sau đó tiến đến dần đến các biện pháp gần đỉnh tam giác.



Hình 2. 5. Hệ thống phân cấp các biện pháp kiểm soát rủi ro.

Loại bỏ: khi thiết kế máy móc, bố trí cho người lao động làm việc, tốt nhất tính đến việc loại trừ các mối nguy có thể xảy ra như tiến hành xem xét lại quy trình sản xuất, các công đoạn, có thể lắp thêm các thiết bị an toàn vào máy móc để loại bỏ hoàn toàn các mối nguy,...

Thay thế: khi đặc thù công nghệ không thể tiến hành loại bỏ mối nguy, ưu tiên tiếp theo là cải tiến, thay thế công nghệ, quy trình sản xuất, nguyên vật liệu nguy hiểm bằng công nghệ, quy trình, nguyên vật liệu không nguy hiểm hoặc ít nguy hiểm hơn, hay chuyển đổi mối nguy này thành 1 mối nguy khác ít nguy hiểm hơn.

Cách ly: khi việc thay thế không hiệu quả, cách ly là ưu tiên tiếp theo, cách ly người lao động khỏi mối nguy hiểm bằng cách che chắn các bộ phận, các vùng nguy hiểm, tiến hành bao che các bộ phận truyền động, bánh răng, lưỡi cắt, cách ly nguồn năng lượng, ... đảm bảo người lao động không tiếp xúc với các mối nguy.

Biện pháp quản lý: thiết lập thủ tục, quy trình làm việc an toàn, huấn luyện, đào tạo, giám sát việc thực hiện các quy định về tư vấn lao động tại cơ sở, quy định rõ ràng về khen thưởng và xử phạt nếu làm tốt công tác an toàn và ngược lại, ..

Biện pháp sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân (PTBVCCN): đây là biện pháp cuối cùng khi các biện pháp trên thực hiện chưa hiệu quả. Cần trang bị đúng, đủ số lượng, chủng loại, chất lượng thiết bị bảo vệ cá nhân cho công nhân; quy định hướng dẫn sử dụng, cách bảo quản, loại bỏ thích hợp để bảo vệ người lao động tránh những nguy cơ về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Những giải pháp nêu trên được áp dụng nhằm giảm thiểu hậu quả xấu xảy ra cho người lao động, giảm sự tiếp cận các môi nguy, giảm xác suất ảnh hưởng đến sức khỏe, chấn thương hay thiệt hại về tài sản. Áp dụng biện pháp kỹ thuật nói chung (gồm loại trừ, thay thế, cách ly) có tác dụng làm giảm đáng kể mức độ rủi ro. Tuy nhiên, không phải cơ sở nào cũng đủ điều kiện áp dụng đầy đủ các biện pháp kỹ thuật nêu trên. Biện pháp quản lý chủ yếu kiểm soát, quản lý ý thức con người, giúp giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro. Đây là biện pháp màn tính lâu dài, cần có kế hoạch và định hướng cụ thể nhằm thay đổi dần sự nhận thức của người lao động. Tùy thuộc vào đối tượng cần kiểm soát cụ thể mà áp dụng, phối hợp những giải pháp thích hợp về kỹ thuật, tổ chức, quản lý để cho việc kiểm soát rủi ro hiệu quả nhất.

Các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu luôn đi kèm với một kế hoạch hành động hiệu quả nhất:

- Thực hiện ưu tiên những giải pháp dễ thực hiện, ít tốn kém và chỉ xem những giải pháp này như giải pháp tạm thời cho đến khi có 1 giải pháp tin cậy.
- Những nguy cơ, tai nạn hoặc những yếu tố tổn hại sức khỏe phải tính đến những giải pháp lâu dài.
- Phân công trách nhiệm rõ ràng, ai làm, làm gì, khi nào làm và luôn thực hiện theo thứ tự ưu tiên các công việc.
- Huấn luyện cho công nhân những nguy cơ tồn tại tại nơi làm việc của họ và làm thế nào để kiểm soát chúng.
- Những giải pháp kiểm soát phải được kiểm tra thường xuyên.

CHƯƠNG 3: TỔNG QUAN VỀ THIẾT BỊ LÀM VIỆC TRÊN CAO

3.1. Giàn giáo

3.1.1. Khái niệm

Giàn giáo là một hệ thống kết cấu tạm thời đặt trên nền vững hoặc có thể treo hoặc neo, tựa vào công trình để tạo ra nơi làm việc cho công nhân tại các vị trí cao so với mặt đất hay mặt sàn cố định.[6]

3.1.2. Phân loại giàn giáo

Dựa vào điều kiện làm việc của từng công việc, có các loại giàn giáo sau:

a. Giàn giáo khung – giàn giáo truyền thống

Có 2 loại cơ bản: loại sơn dầu và loại nhúng kẽm. Hiện nay loại nhúng kẽm đang dần thay thế cho sơn dầu vì tính thẩm mỹ cũng như chịu được tác động của môi trường, chống oxi hóa hiệu quả.

Kích thước đa dạng: 900mm, 1200mm, 1530mm, 1700mm x 1250mm (có đầu nổi và không có đầu nổi).

Sử dụng thép phi 42 để sản xuất.

Linh động trong quá trình di chuyển, lắp đặt, cũng như quá trình tháo dỡ.

Một bộ khung giàn giáo cũng không thể thiếu bộ phận giằng chéo, có tác dụng chịu lực và cố định khung, thường thì kích thước tiêu chuẩn của giằng chéo tương ứng với kích thước khung giàn giáo là: 1960 mm và 1710mm.

b. Giàn giáo nêm

Được biết đến là hệ chống sàn hiệu quả, sử dụng cho việc đổ sàn bê tông, có tác dụng chịu lực chính trong quá trình đổ bê tông

Một hệ giàn giáo nêm cần phải các các bộ phận như: cột chống, kích tăng, thanh giằng, thanh chống, cột chống.

Cũng có 2 loại cơ bản: sơn dầu và mạ kẽm. Đại đa số công trình lớn hiện nay đều sử dụng loại mạ kẽm để thi công vì tính thẩm mỹ cao.

Cấu tạo đơn giản, vận chuyển dễ dàng, dễ dàng lưu kho..

Ưu điểm là chịu được tải trọng lớn, kết cấu vững chắc, an toàn, độ bền cao.

c. Giàn giáo di động

Giàn giáo di động điều khiển bằng tay: giàn giáo được đặt trên các bánh xe và chỉ di chuyển khi đẩy hoặc kéo.

Chiều rộng nhỏ nhất của sàn công tác trên các tầng không được nhỏ hơn 0.5m. Nếu dùng ván hay sàn ghép, tổng chiều rộng phải đáp ứng các yêu cầu nêu trên. Khe hở của các ván sàn liền kề không lớn hơn 2,5cm

Các giàn giáo phải được giằng chặt bằng các giằng chữ thập, giằng ngang hay giằng xiên; bằng định vị sàn công tác hoặc các biện pháp tương tự để liên kết các thanh đứng liền kề nhau, đảm bảo vuông góc và thẳng hàng.

Các bánh xe được thiết kế phải đảm bảo chịu được bốn lần tải trọng tính toán. Các bánh xe phải liên kết chặt với chân giàn giáo hoặc với bộ nối đảm bảo các bánh xe không bị bật ra khỏi liên kết trong bất kỳ trường hợp nào.

3.2. Xe nâng người

3.2.1. Khái niệm

Xe nâng người được thiết kế với một khung làm việc trên cao có thể nâng hạ được giúp thao tác các công việc trên cao ở những nơi khó với tới hoặc bảo dưỡng. Xe nâng người là lựa chọn tối ưu thay cho thang gấp để sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa mái nhà, chặt cây, lắp dựng cửa, lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy... Những nơi làm việc trên cao đòi hỏi sự nhanh chóng, linh động ở các tầm cao khác nhau. Với tính đa dụng trong xây dựng, xe nâng người là người bạn không thể thiếu của nhà thầu trong xây dựng, đơn vị thi công phòng cháy chữa cháy, công ty vệ sinh.

Với đặc điểm thi công của hầu hết các công trình hiện tại thì xe nâng người là thiết bị được lựa chọn hàng đầu bởi nhiều tính năng nổi trội. Nhưng nó chỉ dễ dàng và an toàn khi sử dụng đối với những người hiểu rõ về nguyên lý hoạt động và các ưu nhược điểm của xe.

3.2.2. Phân loại

Xe nâng người có hai dạng: dạng thẳng (dạng cắt kéo) và dạng xiên.

- Xe nâng người tự hành dạng xiên (dạng cần) với chiều cao làm việc từ 12m đến 15 m, có cả tùy chọn động cơ diesel, xăng gas và motor điện xoay chiều luôn đáp ứng tốt mọi nhu cầu thi công trên cao và ở những khu vực khó thao tác, giúp nhanh chóng hoàn thiện công việc.

- Xe nâng người dạng thẳng (cắt kéo) là một loại sà nâng dùng để nâng người theo chiều dọc, sà nâng được nâng lên nhờ hệ thống thủy lực hoặc khí nén theo mô hình “ X” cắt nén.

Ngoài ra sà nâng còn có thể mở rộng ra nhờ một boong phụ cho phép tiếp cận được khu vực làm việc bởi sự hạn chế của xe là chỉ di chuyển được theo chiều dọc.

Ưu điểm và nhược điểm của xe nâng:

- **Ưu điểm:**

- Không phát sinh ra khí thải do không sử dụng nhiên liệu và có thể sạc lại. Khác với các loại xe sử dụng nhiên liệu khác, xe nâng điện hoàn toàn không có khí thải. Đây là một lợi ích lớn nếu bạn dự định sử dụng xe trong kho. Mặc dù xe nâng sử dụng các loại nhiên liệu khác vẫn có thể được vận hành trong kho, nhưng khu vực đó cần phải có sự thông thoáng tốt. Do đó, các xe sử dụng nhiên liệu như dầu, gas hầu như rất ít được dùng trong kho. Đây cũng là ưu điểm lớn mà người dùng thường lựa chọn, nhất là sử dụng xe trong các kho lạnh, kho lưu trữ, nhà sách, siêu thị.

- Không phát sinh ra tiếng ồn ngoài trừ còi báo: Ưu điểm lớn của của các loại xe là tạo ra tiếng ồn ở mức thấp. Đối với những môi trường làm việc cần yên tĩnh như nhà kho, khu lưu trữ hàng hóa, nơi làm việc của xe gần nơi sản xuất, trong nhà kín, thì việc giảm thiểu tiếng ồn là điều rất quan trọng. Đây cũng là một ưu thế lớn của xe nâng điện.

- **Nhược điểm:**

- Độ ổn định thấp khi lên cao, càng lên cao độ rung lắc càng nhiều.
- Chi phí cao
- Khi vận hành xe trong môi trường ẩm ướt, khí bụi, hóa chất liên tục sẽ không tốt cho các mạch điều khiển của xe.

3.2.3. So sánh giữa xe nâng thẳng và xe nâng xiên

Bảng 3. 1. Bảng so sánh giữa xe nâng thẳng và xe nâng xiên

	Dạng thẳng	Dạng xiên
Độ cao làm việc	7 – 14 m	12 - 15 m
Nhiên liệu	Nguồn điện acquy hoặc diesel	

Tải trọng làm việc	~227 kg	~318 - 544 kg
Độ dốc	~30%	~30 - 40%

Bảng trên cho ta thấy một số thông số điển hình của xe nâng người dạng thang và dạng xiên. Khi chọn xe cần chú ý đến một số vấn đề trên để chọn loại xe phù hợp nhất.

3.3. So sánh xe nâng người với một số đối tượng khác (giàn giáo, thang) khi làm việc trên cao

Bảng 3. 2. Bảng so sánh xe nâng người với đối tượng khác

Xe nâng	Giàn giáo	Thang chữ A
Kích thước gọn gàng nên không chiếm nhiều diện tích	Chiếm nhiều diện tích do kết cấu phức tạp	Đối với thang không chiếm diện tích nhưng hạn chế về chiều cao
Xe nâng di chuyển thẳng đứng theo mô hình “X” cắt kéo nên dễ dàng tiếp cận các đối tượng trên cao. Dễ dàng điều chỉnh cao độ. Cao độ hạn chế do cấu tạo của xe	Tốn thời gian và nhân lực khi tháo lắp giàn.	Dễ dàng di chuyển lên xuống khi làm việc Chiều cao làm việc hạn chế do cấu tạo của thang
Có thể vận hành ở vị trí khó, nhiều chướng ngại vật trên cao	Phức tạp khi lắp dựng, do chiếm diện tích nên khó làm việc ở các không gian hẹp hoặc nhiều chướng ngại vật	Bị hạn chế làm việc ở những vị trí cao nhưng lại có lợi khi làm việc ở các khu vực hẹp
Trọng lượng cho phép nâng của xe cao (khoảng 227 kg)	Trọng lượng làm việc của giàn giáo không cao.	Chỉ một người được phép làm việc trên thang
Do có ít chi tiết cơ khí vận hành hơn các loại xe khác,	Thời gian sử dụng hạn chế do việc tháo lắp, bảo quản,	Thời gian sử dụng hạn chế cho việc bảo quản, va đập

nên tuổi thọ của xe sẽ dài hơn.	va đập làm giảm chất lượng của giàn giáo	trong sử dụng làm giảm chất lượng
Nếu vận hành với tốc độ liên tục, lượng pin chỉ đủ sử dụng từ 8h trở lại. Xe phải ngừng để sạc bình. Thời gian nạp nhiên liệu lâu (mất khoảng 6 đến 8h). Sau thời gian 3-5 năm phải thay bình, giá cả tương đối cao.	Làm việc liên tục	Có thể làm việc liên tục
Bánh xe nhỏ nên hạn chế di chuyển ở các địa hình lồi lõm.	Khó thao tác ở các mặt bằng không bằng phẳng. Cần phải gia cố trước khi lắp	Có thể thao tác ở các vị trí hẹp nhưng cũng bị hạn chế ở các vị trí không bằng phẳng
Thời gian đào tạo sử dụng xe nâng trong thời gian ngắn	Người lắp dựng phải được đào tạo và cấp chứng chỉ	Chỉ cần hướng dẫn sử dụng

CHƯƠNG 4: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬN DIỆN VÀ NGĂN NGỪA MỐI NGUY TẠI CÔNG TY KINDEN VIỆT NAM

4.1. Giới thiệu về hệ thống đánh giá rủi ro của công ty TNHH Kinden Việt Nam

Hệ thống đánh giá rủi ro của công ty được thực hiện phù hợp theo yêu cầu OHSAS 18001: 2007 với mục đích đảm bảo và nâng cao vấn đề an toàn, sức khỏe cho nhân viên ở công ty một cách hiệu quả.

Tiêu chí:

- Công tác nhận diện và ngăn ngừa mối nguy tại công ty đảm bảo phù hợp với bản chất hoạt động của công ty.
- Đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình làm việc được kiểm soát hiệu quả đảm bảo môi trường làm việc luôn an toàn.
- Luôn tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về an toàn sức khỏe nghề nghiệp liên quan đến các mối nguy.
- Quy trình được lập thành văn bản, thực thi và duy trì.

Nội dung:

Công tác nhận diện và ngăn ngừa mối nguy tại công ty TNHH Kinden được thực hiện qua hoạt động R.A.K.Y. (Phiếu phân tích và đánh giá nguyên nhân gây nguy hiểm – Risk Assessment Kiken Yochi) nhằm cho thấy được những mối nguy một cách rõ ràng nhất, đưa ra biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro về mức có thể chấp nhận được. Sau đó quản lý công trường sẽ chọn lọc và tổng hợp những mối nguy nghiêm trọng để đưa ra các biện pháp đến khi loại trừ hết hoặc giảm thiểu rủi ro xuống khả năng có thể chấp nhận được và thông báo đến các bộ phận.

- Đối tượng thực hiện: Người lao động, quản lý nhà thầu cùng giám sát Kinden
- Địa điểm thực hiện: tại vị trí Họp giao ban buổi sáng.
- Thời gian chiếm khoảng 5 đến 10 phút trong toàn bộ buổi Họp giao ban buổi sáng.

Tiêu chí ước lượng: Bảng R.A.K.Y được dựa trên 2 tiêu chí chính: tính nghiêm trọng và tính khả năng.[4]

- **Tính nghiêm trọng:** gồm 3 loại:

Rất nghiêm trọng: chết người hoặc mất hoàn toàn khả năng lao động sinh hoạt đời sống.

Nghiêm trọng: Giảm khả năng lao động, giảm sức khỏe, giảm sinh hoạt đời sống.

Nhẹ : thương tật nhẹ hoặc không thuộc hai loại trên.

- **Tính khả năng:** bao gồm 3 mức: cao, trung bình, thấp.
- **Phân loại rủi ro:** dựa trên hai điều kiện trên, rủi ro sẽ được đánh giá theo 3 mức độ:
 - Trạng thái nguy hại mang tính cấp bách
 - Trạng thái nguy hại ở mức độ đáng kể
 - Trạng thái nguy hại ở mức độ thấp.
- **Công thức đánh giá rủi ro:** Hiện công ty đang áp dụng công thức đánh giá mức độ rủi ro như sau:

Rủi ro = Tính nghiêm trọng + Tính khả năng

Trong đó: Số điểm đánh giá tính nghiêm trọng, tính khả năng được ấn định như sau:

Bảng 4. 1. Bảng quy điểm của tính nghiêm trọng và tính khả năng

Tính chất nghiêm trọng (Tai nạn lao động)	Rất nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Nhẹ
	20	10	5
Tính khả năng (Phát sinh tai nạn)	Cao	Bình thường	Thấp
	10	5	2

Sau đó phân loại rủi ro theo bảng dưới đây:

Bảng 4. 2. Bảng phân loại rủi ro

Phân loại	Phạm vi điểm rủi ro	Cho phép hay không	Đánh giá
Trạng thái nguy hại mang tính cấp bách	Từ 20 trở lên	×	A
Trạng thái nguy hại ở mức đáng kể	Từ 10 đến 19	×	B


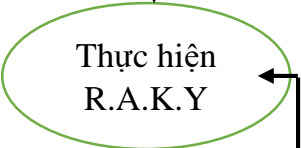
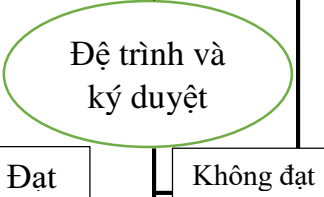
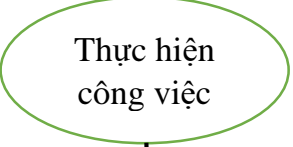
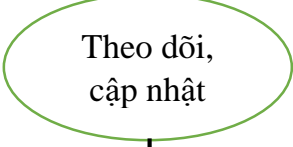
Trạng thái nguy hiểm ở mức độ thấp	Dưới 10	o	C
------------------------------------	---------	---	---


Công cụ hỗ trợ:

- **R.A.K.Y.:** phiếu phân tích và đánh giá tác nhân gây nguy hiểm là một công cụ chính trong quy trình đánh giá rủi ro của Kinden. Đó là bước đầu để làm cơ sở cũng như nâng cao nhận thức của người lao động trong việc nhận diện các rủi ro. Là nền tảng vững chắc để nhận định và đưa ra biện pháp kiểm soát rủi ro.
- **Safety Patrol:** gồm quản lý người Nhật, các trưởng ban, chỉ huy trưởng công trường tại dự án và ban chỉ huy nhà thầu phụ tham gia
- **Safety Audit:** chỉ có trưởng ban an toàn và chỉ huy trưởng tại dự án cùng ban chỉ huy thầu phụ tham gia. Việc kiểm tra an toàn nội bộ công trường cũng là một phương pháp để nhận diện ra các rủi ro tiềm ẩn cũng như đưa ra sự quản lý chặt chẽ hơn. Bởi vì kiểm tra an toàn nội bộ có sự tham gia của trưởng ban an toàn, team leader và nhân viên an toàn Kinden tại công trường cùng với chỉ huy trưởng và nhân viên an toàn của nhà thầu phụ. Việc này thuận lợi ở chỗ tất cả người đi kiểm tra đều có chuyên môn, dễ dàng nhìn nhận những mối nguy hiểm nhất. Đồng thời kiểm soát được công việc quản lý rủi ro có chặt chẽ không. Cùng nhau đưa ra những phương án khắc phục tốt nhất và phổ biến lại với người lao động.
- **Work Permit:** giấy phép làm việc cũng là biện pháp quản lý an toàn dành cho những công việc nguy hiểm như: làm việc trên cao, công việc đào đất, công việc phát sinh tia lửa, công việc trong không gian hạn chế và các công việc sử dụng các thiết bị áp lực. Việc này được kiểm tra bởi nhân viên Kinden tại công trường (giám sát kỹ thuật và nhân viên an toàn của Kinden) trước mỗi công việc nhằm đảm bảo an toàn trước mỗi công việc đó.
- **Checklist:** việc kiểm tra bao gồm: kiểm tra bút thử điện (hàng ngày), giàn giáo (hàng ngày, hàng tuần, tháng), thang (hàng ngày, tuần, tháng), thiết bị máy móc điện (hàng tháng), tủ y tế (hàng tháng), bình chữa cháy (hàng tháng). Đây cũng là công cụ để quản lý rủi ro.
- **Huấn luyện:** bao gồm huấn luyện đầu công trình, huấn luyện định kỳ và huấn luyện đột xuất được tổ chức bởi nhân viên Kinden và nhà thầu phụ. Đây là hình thức nâng cao cho người lao động, giúp người lao động dễ dàng hơn trong việc nhận diện các mối nguy hiểm.

4.2. Quy trình thực hiện đánh giá rủi ro tại công ty

Bảng 4. 3. Quy trình thực hiện đánh giá rủi ro tại công ty [4]

STT	Bước	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1		Thông báo công việc trong ngày, chia nhóm và chia công việc	Chỉ huy của nhà thầu	Trong buổi họp giao ban buổi sáng	Nơi thực hiện cuộc họp giao ban buổi sáng	Nội dung công việc đã được chấp thuận với Kinden
2		Thảo luận nhóm để nhận diện mối nguy hiểm tại nơi mình làm việc	Người lao động	Sau khi kết thúc buổi họp giao ban buổi sáng	Nơi thực hiện cuộc họp giao ban buổi sáng	
3		Người phụ trách Kinden xem xét nội dung và đưa ra những hướng dẫn bổ sung	Giám sát công trường được phân công	Sau khi kết thúc buổi họp giao ban buổi sáng	Nơi thực hiện cuộc họp giao ban buổi sáng hoặc văn phòng tạm tại dự án	Trường hợp không đạt sẽ thực hiện lại bước 2
4		Người lao động tiến hành thực hiện công việc đã được phân công	Người lao động	Theo thời gian phân bổ	Tại khu vực đã được phân công	
5		Theo dõi và cập nhật công việc thực hiện có đúng kế hoạch hay không?	Giám sát an toàn và giám sát công trường Kinden	Tối thiểu 2 lần/ngày	Tất cả các vị trí làm việc	Khi phát hiện mối nguy khác thì phải nhắc nhở ngay tại hiện trường

6		Hồ sơ sẽ được lưu ở hai dạng: giấy và dữ liệu	Nhân viên an toàn	Sau khi hoàn thành công việc	Văn phòng tạm Kinden tại các dự án	Những thiếu sót sẽ được lưu ý cho lần tới.
---	---	---	-------------------	------------------------------	------------------------------------	--

Diễn giải sơ đồ:

Bước 1: Phân chia công việc

Ở công ty Kinden, việc chia nhỏ công việc đã và đang diễn ra rất tốt và được giám sát chặt chẽ. Chỉ huy nhà thầu phụ sẽ được phân khu vực làm việc nhất định (được thông báo trong buổi họp). Tiếp tục công nhân sẽ được phân vào việc nhỏ của từng nhóm nhỏ và có giám sát của Kinden, giám sát an toàn theo dõi chặt chẽ. Việc này tạo điều kiện cho việc thực hiện R.A.K.Y dễ dàng. Bởi vì, một nhóm công nhân làm việc tại một khu vực nhỏ sẽ dễ dàng quan sát xung quanh để nhận ra vùng nguy hiểm cũng như yếu tố nguy hiểm. Đồng thời khi chia nhỏ công việc thì nhóm công nhân đó sẽ hiểu rõ và sâu hơn về công việc mà mình đang làm. Đó là nền tảng cho việc nhận diện mối nguy.

Bước 2: Thực hiện R.A.K.Y

Như đã nói ở trên, việc chia nhỏ công việc được quản lý tốt thì việc nhận diện mối nguy sẽ được đơn giản hóa. Nhưng phải nhớ không được bỏ qua mối nguy tiềm ẩn vì nếu không thể nhận diện nó, thời gian tiếp xúc với nó sẽ tăng cao và không thể kiểm soát được mức độ rủi ro của nó.

Các mối nguy hiểm hay mối nguy hại sẽ được chỉ rõ ra. Nếu đó là mối nguy hại, ta sẽ xác định vùng phơi nhiễm, khả năng tác động của mối nguy hại đó lên cơ thể con người; với liều lượng bao nhiêu sẽ gây hại cho người lao động. Còn nếu đó là mối nguy hiểm ta sẽ xác định được vùng nguy hiểm, đó là mối nguy hiểm ở dạng nào? Mức độ tác động lên người tác động ở mức độ nào?

Việc nhận diện mối nguy ở công ty Kinden được chính công nhân thực hiện và được sự hỗ trợ của giám sát công trường và giám sát an toàn của Kinden được tiến hành như sau:

- Họp giao ban buổi sáng vào mỗi buổi sáng để chỉ huy trưởng các thầu phụ triển khai công việc và nhắc nhở một số vấn đề an toàn trọng tâm. Sau đó giám sát công trường và giám sát an toàn của Kinden sẽ nhắc nhở một số vấn đề an toàn mà nhà thầu phụ thiếu sót, giúp nhà thầu phụ nói chung và người lao động nói riêng có thể nắm bắt được đầy đủ các mối nguy.

- Tiếp theo chỉ huy trưởng, tổ trưởng của mỗi nhà thầu sẽ phân chia nhóm khu vực làm việc và công việc sau đó bàn bạc thảo luận phân tích các yếu tố nguy hiểm ở tại khu vực làm việc của mình và được sự hỗ trợ của Nhân viên Kiden tại công trường.

- Xác định mức độ rủi ro cho các mối nguy đã được nhận diện: việc xác định mức độ rủi ro cho các mối nguy giúp ta phân loại được các mối nguy nào phải ưu tiên khắc phục trước cũng như sẽ có sự đề phòng, nâng cao ý thức an toàn của công nhân với các mối nguy đó.

- Công nhân các nhà thầu phụ sẽ đánh giá mức độ rủi ro các mối nguy trong buổi họp Toolbox meeting và được sự giúp đỡ của nhân viên Kinden tại công trường và theo công thức:

Rủi ro = Tính nghiêm trọng + Tính khả năng

Bước 3: Độ trình Giám sát công trường

Sau khi nhận diện được mối nguy và xác định mức độ rủi ro, bước tiếp theo là tiến hành kiểm tra các mối nguy đã được nhận đầy đủ, chính xác chưa, bảng đánh giá rủi ro đã được xác định đúng khả năng và mức độ nguy hiểm khi mối nguy xảy ra chưa. Việc kiểm tra lại giúp việc đánh giá rủi ro nhận diện được hết các mối nguy, khi mối nguy không được nhận diện sẽ trở thành thảm họa, vì thế công đoạn nhận diện mối nguy, xác định đúng mức độ tác động của nó rất quan trọng. Nếu mối nguy đã được đưa về mức có thể chấp nhận được thì người lao động sẽ được phép thực hiện công việc. Còn nếu không thì sẽ thực hiện lại R.A.K.Y đến khi đạt yêu cầu.

Bước 4: Thực hiện công việc

Khi đã đạt yêu cầu, người lao động sẽ được phép tiến hành công việc nhưng phải đảm bảo người lao động đã hiểu rõ các biện pháp kiểm soát.

Sau khi bảng đánh giá rủi ro hoàn thành ta tiến hành xây dựng biện pháp kiểm soát các mối nguy một cách hiệu quả. Có rất nhiều biện pháp kiểm soát khác nhau, tùy vào tình hình thực tế và điều kiện công việc cụ thể sẽ lựa chọn các biện pháp phù hợp với từng mối nguy như: loại trừ, thay thế, cách ly, quản lý hành chính và phương tiện bảo vệ cá nhân.

Việc đưa ra biện pháp kiểm soát rủi ro cũng được công nhân thực hiện trong bảng R.A.K.Y và được giám sát Kinden và an toàn kiểm tra xem nó có phù hợp và triệt để hay không? Khi đã phù hợp và đạt yêu cầu thì mới được giám sát Kinden cho phép làm việc.

Bước 5: Theo dõi và cập nhật

Địa điểm làm việc, số lượng công nhân, người chịu trách nhiệm thực hiện... tất cả đều có trong bảng R.A.K.Y trong buổi Họp giao ban buổi sáng. Và nhân viên Kinden tại công trường có nhiệm vụ theo dõi, nhắc nhở, tìm ra những giải pháp có hiệu quả hơn để kiểm soát rủi ro.

Giám sát an toàn Kinden có nhiệm vụ thường xuyên theo dõi việc thực hiện các biện pháp khắc phục như trong kế hoạch, nếu có bất kỳ sự thay đổi nào có khả năng gây nguy hiểm hoặc công nhân không thực hiện đúng như kế hoạch thì giám sát an toàn có quyền ngừng công việc và yêu cầu khắc phục. Đồng thời giám sát an toàn Kinden cũng có nhiệm

vụ quan sát, nhận diện thêm các mối nguy mà công nhân chưa nhận diện ra được và sẽ thông báo đến toàn thể công nhân vào buổi họp an toàn hôm sau.

Giám sát Kinden không những có nhiệm vụ đôn đốc, theo dõi công việc mà còn hỗ trợ giám sát an toàn trong việc theo dõi các biện pháp khắc phục đưa ra có được thực hiện nghiêm túc hay không.

Bước 6: Báo cáo, lưu trữ hồ sơ

Trong quá trình thực hiện, bảng đánh giá R.A.K.Y sẽ được lưu vào file hồ sơ của từng nhà thầu. Quản lý công trường sẽ tổng hợp lại ghi vào biểu mẫu “Bảng nhận diện mối nguy”. Đồng thời phải ghi rõ có bao nhiêu mối nguy, quá trình thực hiện việc kiểm soát như thế nào, những mối nguy nào đã được khắc phục, những mối nguy nào chưa được khắc phục.

Đặc biệt phải báo cáo riêng những mối nguy nghiêm trọng để có thể dễ dàng quản lý và khắc phục. Tuy nhiên vẫn phải tiếp tục theo dõi, xem xét để xem mối nguy đó có được loại bỏ hoàn toàn hay không? Nếu không thì phải có biện pháp gì để giảm thiểu tới đa mức độ rủi ro của những mối nguy đó. Đặc biệt là những mối nguy nghiêm trọng được quản lý riêng và theo dõi chặt chẽ, hiệu quả hay không?

4.3. Các văn bản pháp lý liên quan đến đánh giá rủi ro mà Kinden Việt Nam đang áp dụng

Tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007

Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT Hướng dẫn thực hiện công tác an toàn – vệ sinh lao động trong cơ sở lao động.

Thông tư số 22/2010/TT-BXD quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.

Thông tư số 43/2010/TT-BCT Quy định công tác quản lý an toàn trong ngành công thương.

TCVN 9788-2013 Quản lý rủi ro.

TCVN IEC – ISO 31010-2013 Quản lý rủi ro- kỹ thuật đánh giá rủi ro.

TCVN 3100-2011 Quản lý rủi ro- nguyên tắc và hướng dẫn.

CHƯƠNG 5: HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ RỦI RO TRONG ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG CHO VIỆC SỬ DỤNG CÁC THIẾT BỊ LÀM VIỆC TRÊN CAO TẠI CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY KINDEN VIỆT NAM

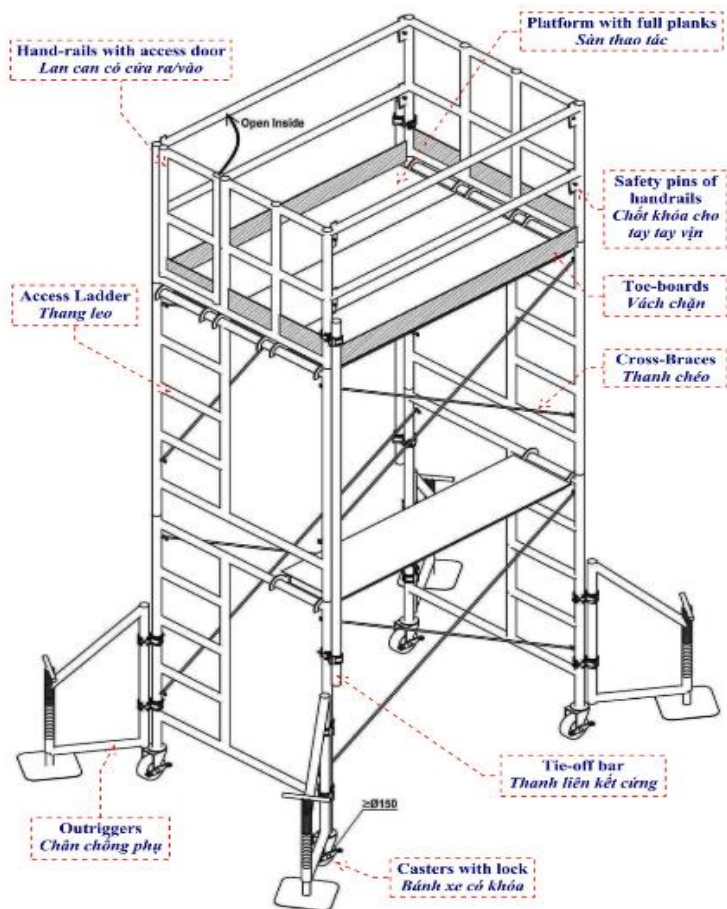
5.1. Giới thiệu loại giàn giáo và xe nâng được sử dụng ở Kinden

5.1.1. Giàn giáo

Loại giàn giáo Kinden đang sử dụng là giàn giáo di động.

Giàn giáo phải có đủ khả năng chịu lực mà không bị phá hoại bởi tải trọng bản thân và ít nhất bốn lần tải trọng tính toán.

Tải trọng cho phép đối với giàn giáo Kinden. Tải trọng nhẹ: áp dụng cho giàn giáo mang tải trọng công tác 125kg/m^2 dùng cho người và dụng cụ lao động.



Hình 5. 1. Mẫu giàn giáo di động 2 tầng của Công ty Kinden Việt Nam.

5.1.2. Xe nâng người

Loại xe nâng người sử dụng tại dự án của Kinden là: hiệu GS -1930 xuất xứ từ Trung Quốc.

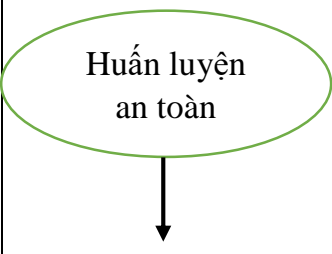
Chiều cao làm việc là 7,79m.



Tải trọng thiết kế là 227 Kg.

5.2. Công tác đánh giá rủi ro cho giàn giáo và xe nâng tại các dự án

5.2.1. Công tác đánh giá rủi ro cho giàn giáo

Bảng 5. 1. Bảng công tác đánh giá rủi ro cho giàn giáo [8]

STT	Bước	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Yêu cầu	Ghi chú
1		Kiểm tra hồ sơ giàn giáo và người tháo lắp giáo	Nhân viên an toàn	Trước khi giàn giáo xuống công trường	Phải đảm bảo các loại giấy tờ (hợp đồng lao động, giấy khám sức khỏe làm việc trên cao, chứng chỉ an toàn, chứng chỉ nghề...)	
2		Thông báo quy định Kinden và một số lưu ý về an toàn khi sử dụng giàn giáo.	Nhân viên an toàn Kinden	Theo thời gian thực tế ở công trường		

3	<p>Thực hiện công việc</p> 	<p>Phải họp Toolbox meeting vào mỗi buổi sáng và kiểm tra điều kiện làm việc và thực hiện R.A.K.Y trước khi làm việc.</p>	<p>Người được chỉ định và đã được huấn luyện trước đó</p>	<p>Theo kế hoạch công việc</p>	<p>Đảm bảo trang bị đầy đủ: Phương tiện bảo vệ cá nhân, rào chắn cảnh báo, kiểm tra sức khỏe thực tế trước khi làm việc</p>	<p>Đảm bảo theo kế hoạch làm việc an toàn</p>
4	<p>Theo dõi và cập nhật</p> 	<p>Theo dõi và cập nhật công việc thực hiện có đúng theo kế hoạch làm việc an toàn hay không?</p>	<p>Giám sát Kinden</p>	<p>Tối thiểu 2 lần / ngày</p>		
5	<p>Lưu hồ sơ</p>	<p>Chỉ được lưu hồ sơ khi đảm bảo được các yêu cầu đề ra</p>	<p>Giám sát an toàn</p>			<p>Lưu hồ sơ ở dạng: giấy và dữ liệu</p>

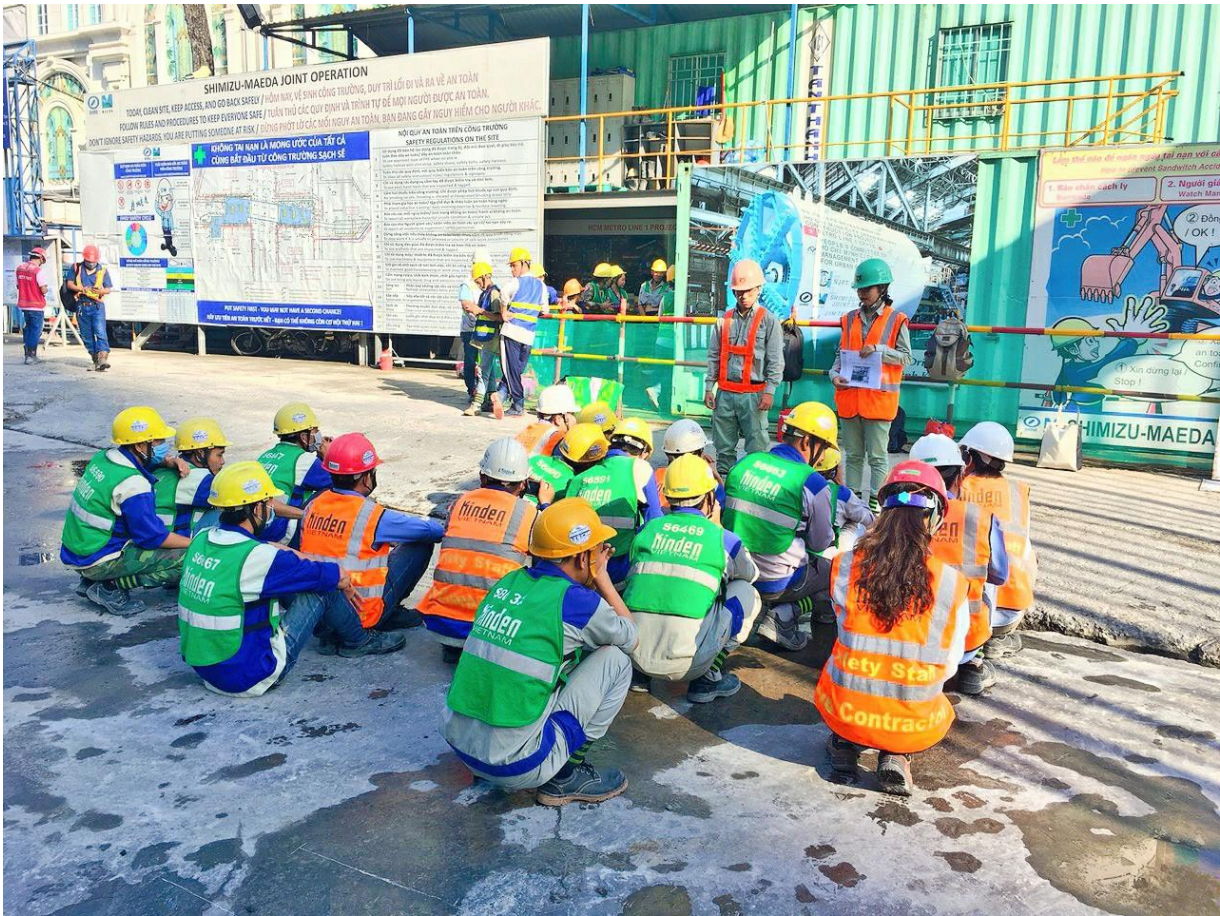
Mô tả nội dung quy trình

Bước 1: Kiểm tra hồ sơ [Phụ lục 1]

- Hồ sơ giàn giáo:
Phiếu kết quả thử nghiệm: Phải do cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm định, bản gốc phải được đối chiếu tại công trường.
Giấy xác nhận xuất xưởng: Phải do Cơ quan sản xuất cấp, ghi rõ thời hạn xuất xưởng.
- Hồ sơ người lắp giáo:
Có quyết định bổ nhiệm cho việc lắp giáo.
Có hợp đồng lao động, giấy khám sức khỏe, chứng chỉ an toàn, bảo hiểm tai nạn.
Có bằng nghề, chứng chỉ lắp giàn giáo còn hiệu lực.
- Trước khi vào công trường:
Các giấy tờ hồ sơ phải được đối chiếu bản gốc mới được phép vào công trường, đồng thời giám sát và giám sát an toàn Kinden phải thực hiện kiểm tra giàn giáo theo mẫu checklist giàn giáo.

Bước 2: Huấn luyện an toàn:

Nhân viên an toàn thông báo các nội quy của công ty và hướng dẫn một số yếu tố nguy hiểm khi sử dụng giàn giáo ở công trường.



Hình 5. 2. Nhân viên an toàn tiến hành huấn luyện an toàn.

Bước 3: Thực hiện công việc:

Thực hiện Họp giao ban vào mỗi buổi sáng, nhóm làm việc trên giàn giáo sẽ thực hiện đánh giá và phân tích mối nguy cho công việc của mình. Khi tất cả các mối nguy được giảm xuống mức có thể chấp nhận được thì công nhân mới được phép tiến hành công việc.

Tiến hành kiểm tra thiết bị và điều kiện làm việc trước khi làm việc trên giàn giáo: nhân viên an toàn thầu phụ sẽ tiến hành kiểm tra thiết bị và ghi kết quả vào mẫu, sau đó trình cho giám sát và an toàn Kinden kiểm tra. Nếu đạt thì công nhân mới được phép tiến hành công việc.



Hình 5. 3. Thực hiện họp giao ban buổi sáng trước khi tiến hành công việc.

Bước 4: Theo dõi và cập nhật

Giám sát kỹ thuật và Nhân viên an toàn Kinden sẽ theo dõi, cập nhật kiểm tra việc thực hiện. Từ đó xem xét hiệu quả cho việc đánh giá rủi ro.

Mỗi ngày nhân viên Kinden đi kiểm tra công trường, trong quá trình đi kiểm tra, nhân viên Kinden sẽ theo dõi quá trình làm việc trên giàn giáo. Xem xét việc thực hiện các biện pháp khắc phục rủi ro xem có tốt không. Đồng thời sẽ quan sát và nhận diện thêm những mối nguy hiểm tiềm ẩn mà công nhân chưa nhận diện ra được và thông báo đến công nhân trong buổi Họp giao ban buổi sáng vào ngày hôm sau.



Hình 5. 4. Nhân viên Kinden kiểm tra công trường

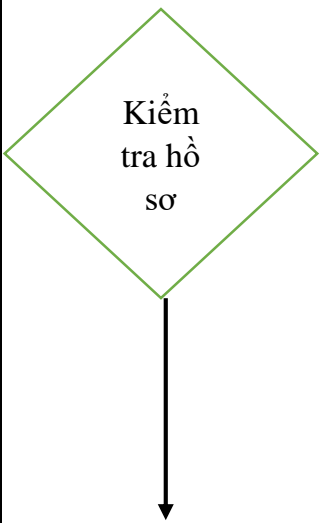
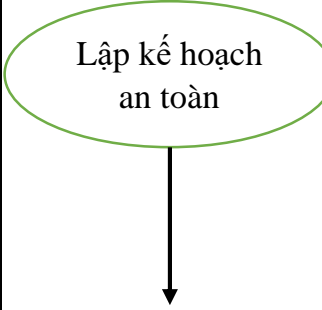
Bước 5: Báo cáo, lưu hồ sơ [Phụ lục 2]

Làm việc trên giàn giáo được đưa vào báo cáo ngày gửi về ban an toàn. Các phiếu R.A.K.Y. cũng sẽ được lưu hồ sơ để theo dõi kết quả qua từng ngày.

Có hai dạng lưu hồ sơ là: dạng giấy và dạng dữ liệu

5.2.2. Công tác đánh giá rủi ro cho xe nâng

Bảng 5. 2. Bảng công tác đánh giá rủi ro cho xe nâng [9]

STT	Bước	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Yêu cầu	Ghi chú
1		Kiểm tra hồ sơ xe nâng và người vận hành xe	Nhân viên an toàn	Trước khi xe xuống công trường	Phải đảm bảo các loại giấy tờ (bảo hiểm xe, hợp đồng lao động, giấy khám sức khỏe làm việc trên cao, chứng chỉ an toàn, chứng chỉ nghề...)	
2		Có 2 loại kế hoạch: kế hoạch làm việc an toàn khi sử dụng cầu để cầu thiết bị vào công trường và kế hoạch làm	Bộ phận công trường và nhân viên an toàn	Phải được chấp thuận trước 7 ngày trước khi tiến hành công việc	Giấy phép làm việc, sơ đồ mặt bằng làm việc, sơ đồ liên hệ khẩn cấp, kế hoạch làm việc an toàn	Có thể thực hiện song song

		việc an toàn khi sử dụng xe nâng				
3	Xe xuống công trường ↓	Thực hiện nâng hạ bằng xe cầu để si chuyển vào công trường nếu có hoặc người vận hành có thể chạy xe trực tiếp vào công trường.	Nhân viên kỹ thuật bên nhà cung cấp	Theo thói quen thực tế ở công trường	Đảm bảo đầy đủ các loại giấy tờ như đã gửi trước đó. Nhân viên kỹ thuật bên đơn vị cung cấp được xem như một nhà thầu và đảm bảo các hồ sơ	Phải có giấy phép làm việc của nhà thầu chính
4	Hướng dẫn vận hành ↓	Nhân viên kỹ thuật ở đơn vị cung cấp sẽ hướng dẫn vận hành xe cũng như các bước kiểm tra xe trước khi làm việc	Nhân viên kỹ thuật của đơn vị cung cấp	Theo thói quen thực tế ở công trường	Phải có bằng cấp huấn luyện từ nhà cung cấp	Chỉ những công nhân có đủ điều kiện mới được tham gia
5	Huấn luyện an toàn	Thông báo quy định Kinden và một số lưu ý về an toàn khi sử	Nhân viên an toàn Kinden	Theo thói quen thực tế ở công trường		

	↓	dụng xe nâng người				
6	<div style="border: 1px solid green; border-radius: 50%; padding: 10px; display: inline-block;">Thực hiện công việc</div> ↓	Phải họp Toolbox meeting vào mỗi buổi sáng và kiểm tra điều kiện làm việc và thực hiện R.A.K.Y trước khi làm việc.	Người được chỉ định và đã được huấn luyện trước đó	Theo kế hoạch công việc	Đảm bảo trang bị đầy đủ: Phương tiện bảo vệ cá nhân, rào chắn cảnh báo, kiểm tra sức khỏe thực tế trước khi làm việc	Đảm bảo theo kế hoạch làm việc an toàn
7	<div style="border: 1px solid green; border-radius: 50%; padding: 10px; display: inline-block;">Theo dõi và cập nhật</div> ↓	Theo dõi và cập nhật công việc thực hiện có đúng theo kế hoạch làm việc an toàn hay không	Giám sát Kinden	Tối thiểu 2 lần / ngày		
8	<div style="border: 1px solid green; border-radius: 50%; padding: 10px; display: inline-block;">Lưu hồ sơ</div>	Chỉ được lưu hồ sơ khi đảm bảo được các yêu cầu đề ra	Giám sát an toàn			Lưu hồ sơ ở dạng: giấy và dữ liệu

Mô tả nội dung quy trình

Bước 1: Kiểm tra hồ sơ [Phụ lục 3]

- **Hồ sơ xe nâng :**

Kiểm định xe: Phải do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp, phải còn hiệu lực thi hành, bản gốc phải được đối chiếu tại công trường.

Bảo hiểm xe: Cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền, có năng lực, nội dung giá trị bảo hiểm phải được thể hiện rõ ràng trên hợp đồng bảo hiểm, bản gốc phải được đối chiếu tại hiện trường, lưu hồ sơ bản sao.

Tem kiểm định: Phải do Cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp, đúng quy định pháp luật. Còn hiệu lực, ghi rõ thời hạn kiểm định lần tới.

- **Hồ sơ người vận hành:**

Đủ 18 tuổi.

Có hợp đồng lao động, giấy khám sức khỏe, chứng chỉ an toàn, bảo hiểm tai nạn.

Có bằng nghề, chứng chỉ vận hành an toàn còn hiệu lực.

- **Trước khi vào công trường:**

Các giấy tờ hồ sơ phải được đối chiếu bản gốc mới được phép vào công trường, đồng thời giám sát và giám sát an toàn Kinden phải thực hiện kiểm tra xe theo mẫu checklist xe nâng.

Bước 2: Lập kế hoạch làm việc an toàn:

Việc lập kế hoạch làm việc an toàn sẽ được thực hiện bởi giám sát công trình Kinden và bao gồm hai loại: dùng thiết bị nâng để di chuyển xe nâng người vào công trường và an toàn khi làm việc với xe nâng người. Hai loại này có thể thực hiện song song.

Bước 3: Xe xuống công trường

Khi xe vào công trường sẽ được thực hiện cầu hoặc nhân viên vận hành xe của nhà cung cấp sẽ vận hành xe vào bàn giao trong phạm vi công trường.

Triển khai kế hoạch làm việc an toàn trước khi sử dụng xe nâng. Bao gồm người hướng dẫn vận hành xe nâng, nhân viên Kinden và người vận hành xe nâng và hỗ trợ lần

nhau khi gặp sự cố, hiểu rõ hướng dẫn về nguyên lý và cách thức vận hành an toàn, hiểu rõ hướng dẫn, cách thức kiểm tra thiết bị trước khi vận hành.



Hình 5. 5. Thực hiện cầu nâng hạ xe nâng xuống công trường.

Bước 4: Hướng dẫn vận hành

Nhân viên kỹ thuật ở đơn vị cung cấp sẽ hướng dẫn để hiểu rõ những kí hiệu cũng như việc vận hành, kiểm tra các chi tiết trước khi sử dụng.



Hình 5. 6. Hướng dẫn vận hành

Bước 5: Hướng dẫn an toàn

Nhân viên an toàn thông báo các nội quy của công ty và hướng dẫn một số yếu tố nguy hiểm khi sử dụng xe nâng người đến người vận hành.



Hình 5. 7. Hướng dẫn an toàn.

Bước 6: Thực hiện công việc

Thực hiện HỌP giao ban vào mỗi buổi sáng, nhóm vận hành xe nâng người sẽ thực hiện đánh giá và phân tích mối nguy cho công việc của mình. Khi tất cả các mối nguy được giảm xuống mức có thể chấp nhận được thì công nhân mới được phép tiến hành công việc.

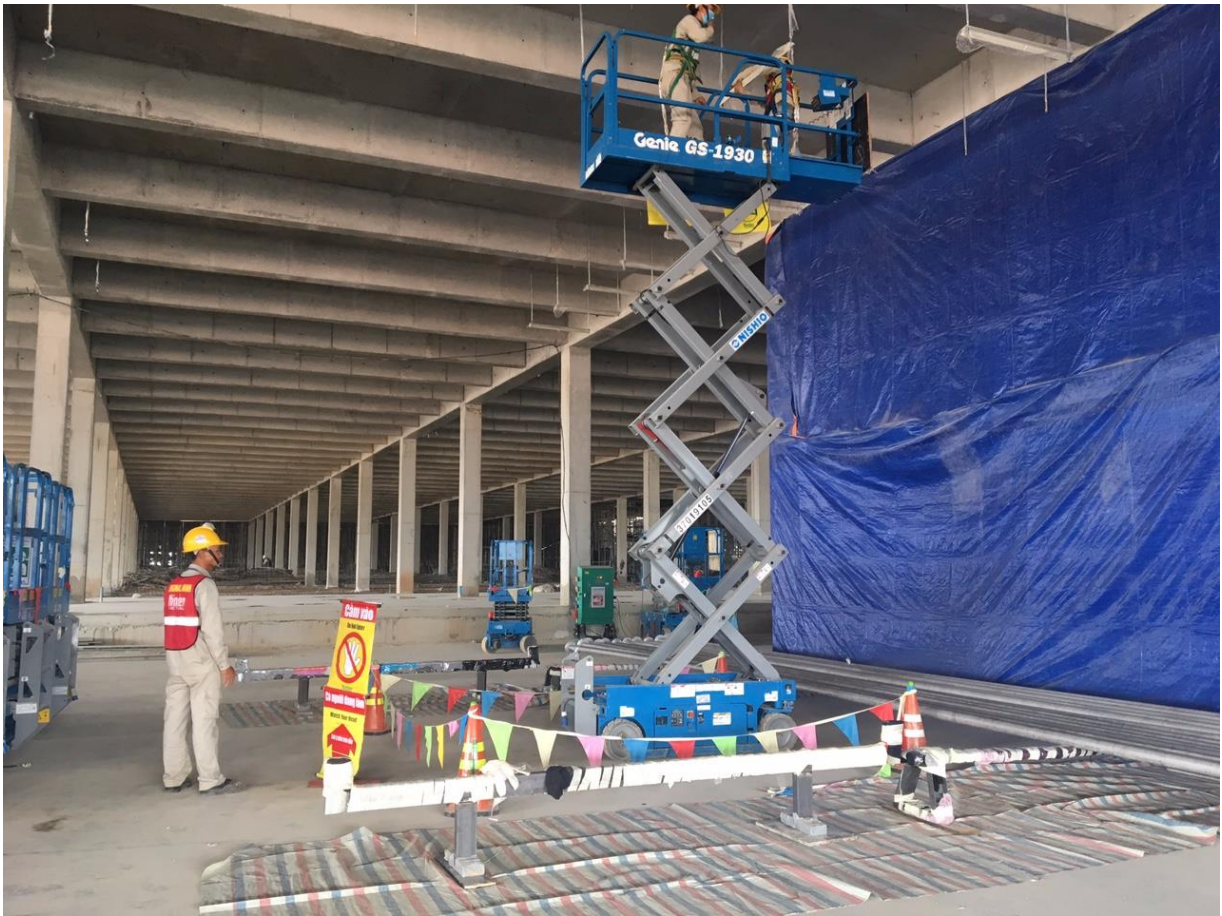
Tiến hành kiểm tra thiết bị và điều kiện làm việc trước khi vận hành máy móc: nhân viên an toàn thầu phụ sẽ tiến hành kiểm tra thiết bị và ghi kết quả vào mẫu, sau đó trình cho giám sát và an toàn Kinden kiểm tra. Nếu đạt thì công nhân mới được phép tiến hành công việc.

Bước 7: Theo dõi và cập nhật

Giám sát và giám sát an toàn Kinden sẽ theo dõi, kiểm tra việc thực hiện. Từ đó xem xét hiệu quả cho việc đánh giá rủi ro.

Mỗi ngày nhân viên Kinden đi kiểm tra công trường, trong quá trình đi kiểm tra, nhân viên Kinden sẽ theo dõi quá trình vận hành xe nâng. Xem xét việc thực hiện các

biện pháp khắc phục rủi ro xem có tốt không. Đồng thời sẽ quan sát và nhận diện thêm những mối nguy hiểm tiềm ẩn mà công nhân chưa nhận diện ra được và thông báo đến công nhân trong buổi Họp giao ban vào ngày hôm sau.



Hình 5. 8. Nhân viên Kinden kiểm tra công trường.

Bước 8: Báo cáo, lưu hồ sơ [Phụ lục 4]

Việc sử dụng xe nâng người được báo cáo ngày gửi về ban an toàn. Các phiếu R.A.K.Y cũng sẽ được lưu hồ sơ để theo dõi kết quả qua từng ngày.

Có hai dạng lưu hồ sơ là: dạng giấy và dạng dữ liệu.

CHƯƠNG 6: NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CẢI TIẾN QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ RỦI RO CHO THIẾT BỊ LÀM VIỆC TRÊN CAO TẠI CÔNG TY KINDEN VIỆT NAM

6.1. Nhận xét đánh giá rủi ro của công ty đang thực hiện

Quy trình Đánh giá rủi ro của công ty đang thực hiện được duy trì tổ chức hằng ngày và có sự góp mặt đầy đủ nhân viên Kinden cũng như nhân viên thầu phụ. Và với hiện trạng quản lý rủi ro tại các dự án của Kinden nhìn chung công ty đang thực hiện tốt quy trình Đánh giá rủi ro, giảm thiểu rủi ro đến mức chấp nhận được, nâng cao mức độ an toàn nhưng vẫn còn một số khuyết điểm.

Tiêu chí ước lượng:

- Việc xác định tiêu chí ước lượng phụ thuộc vào kinh nghiệm, sự phán đoán và ý kiến chủ quan của người đánh giá. Vì vậy đòi hỏi sự rõ ràng hơn trong việc phân định mức điểm của các tiêu chí ước lượng.

- Thang điểm của các tiêu chí ước lượng trong quy trình đánh giá rủi ro của công ty vẫn khá chung, chưa rõ ràng. Ví dụ ở tính nghiêm trọng, thì loại nghiêm trọng vẫn chưa rõ ràng (giảm khả năng lao động là bao nhiêu, sức khỏe giảm như thế nào?).

Thay vào đó nên phân loại nghiêm trọng thành các mục:

- Cao: Tai nạn lao động làm người lao động bị thương nặng, phải nghỉ việc để điều trị.

- Trung bình: người lao động bị thương nhưng không phải nghỉ làm, tuy nhiên cần hỗ trợ công việc nhẹ hơn.

- Thấp: không thuộc hai loại trên.

Về tiêu chí ước lượng khả năng xảy ra: Các dự án của Kiden hoạt động trong trong thời gian rất ngắn (tầm 6 tháng). Vì vậy khả năng xảy ra chỉ được dự đoán theo cảm tính mà không hề có dữ liệu hay có đủ thời gian để xem xét (1 năm, 2 năm). Từ đó độ chính xác sẽ công cao.

Việc phân định rõ ràng các tiêu chí ước lượng sẽ giúp phân loại rõ các mối nguy cũng như việc đưa ra các biện pháp kiểm soát phù hợp đối với các loại mối nguy đó.

Công thức đánh giá:

- $Rủi\ ro = Tính\ nghiêm\ trọng + Tính\ khả\ năng$

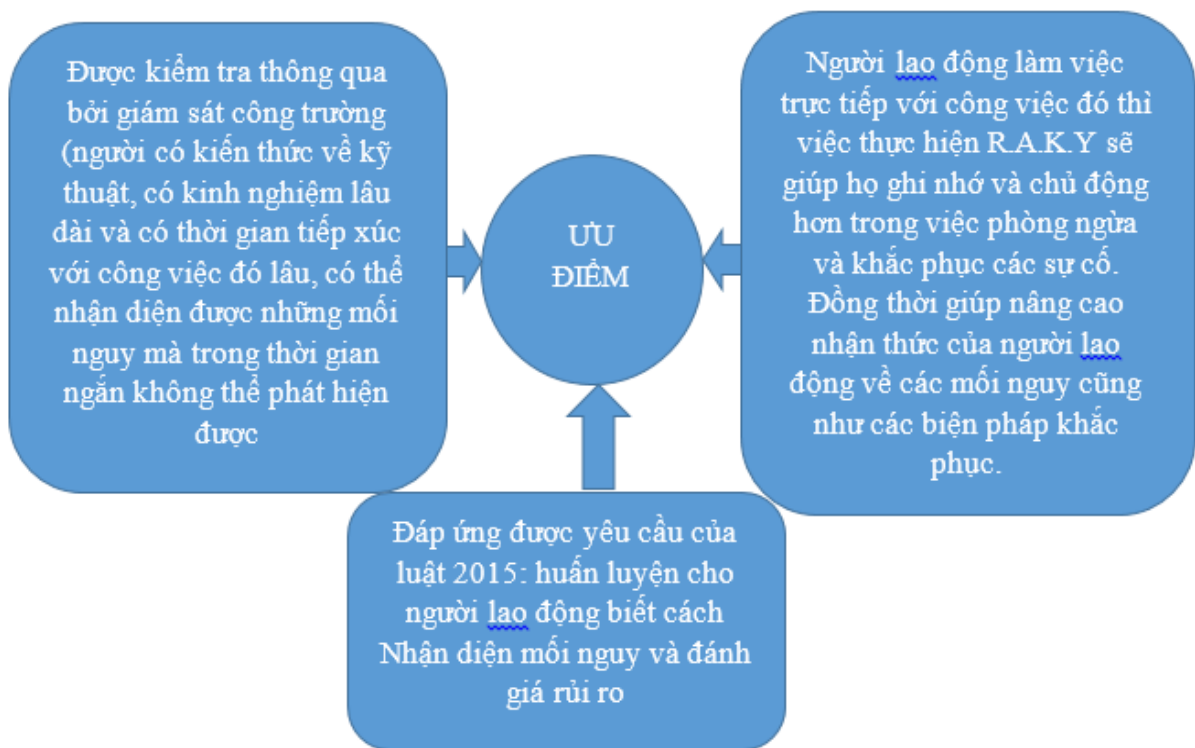
Công ty áp dụng công thức này không sai, nó thuận tiện ở chỗ thích hợp cho người lao động đánh giá rủi ro. Nhưng mục đích của việc đánh giá rủi ro là xác định tất cả các mối nguy tiềm ẩn tại nơi làm việc, phân bậc mối nguy nào cần phải ưu tiên kiểm soát trước, mối nguy nào kiểm soát sau để có biện pháp quản lý tốt nhất hạn chế tối đa các mối nguy xảy ra.

Vì thế sự phân bậc các mối nguy cũng rất quan trọng để ta khoanh vùng các mối nguy nào có rủi ro cao và cần ưu tiên kiểm soát ngay lập tức với các mối nguy có rủi ro thấp và cần kiểm soát sau.

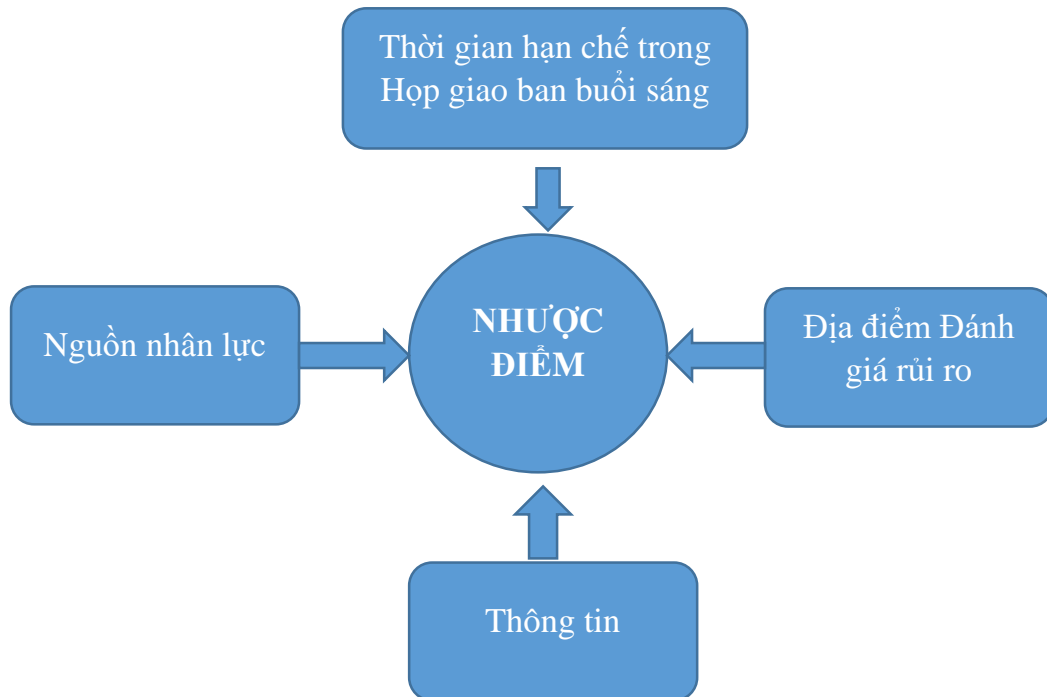
Để khoanh vùng đúng, chính xác, rõ ràng, phản ánh đúng thực trạng thì ta cần xem xét số điểm mức độ rủi ro của các mối nguy với nhau. Với công thức đánh giá rủi ro ở hàm số cộng giữa tần suất và hậu quả xảy ra thì độ chênh lệch nhỏ, không phân bậc rõ ràng như hàm số nhân. Vì vậy sẽ khó khăn hơn trong việc ưu tiên những rủi ro quan trọng cần phải giải quyết trước tiên.

6.2. Ưu, nhược điểm của quy trình đánh giá rủi ro của công ty Kinden Việt Nam

Ưu điểm:



Nhược điểm :



Nhược điểm khó khăn nhất trong quá trình đánh giá rủi ro của công ty Kinden là nguồn nhân lực:

- Sự hạn chế về kỹ năng, kinh nghiệm, năng lực của người lao động đối với các buổi họp giao ban buổi sáng thường chỉ trong thời gian ngắn từ 10 – 15 phút nên nội dung truyền tải không đủ. Trình độ văn hóa của người lao động không đồng đều, kiến thức kỹ năng và kinh nghiệm khác nhau. Vậy nên người lao động nhận thức được hết sự phức tạp của giàn giáo và xe nâng người, dẫn đến việc nhận diện mối nguy cũng bị hạn chế. Đặc biệt là các mối nguy tiềm ẩn. Năng lực để giải quyết các mối nguy cũng bị hạn chế do không định mức được đâu là rủi ro cần phải ưu tiên, đâu là phương pháp phù hợp nhất để giải quyết các rủi ro đó.

- Sự đánh giá rủi ro dựa trên tính ước lượng của người lao động cũng là một hạn chế (vì bản chất của đánh giá rủi ro là định lượng). Bởi người lao động không có bất kỳ một cơ sở và dữ liệu nào để đưa ra mức định lượng đó.

- Nguồn nhân lực liên tục thay đổi do tính chất của công việc. Điều này sẽ khó khăn trong việc huấn luyện lại cũng như tiếp xúc với công việc đó ngắn, hạn chế việc nhận diện mối nguy.

- Khuyết điểm tiếp theo là sự hạn chế trong cuộc Họp an toàn mỗi buổi sáng (TBM), thường thì buổi họp chỉ kéo dài khoảng 15 -30 phút. Việc thực hiện R.A.K.Y chỉ chiếm khoảng 5 phút đến 10 phút, không đủ để bao quát hết được các mối nguy cũng như việc đánh giá R.A.K.Y. Vậy nên tầm nhìn về mối nguy của người lao động lại tiếp tục bị hạn chế.

- Sự hạn chế về thông tin: các buổi đào tạo chuyên môn, buổi huấn luyện ngắn hạn với quá nhiều thông tin làm người lao động tiếp thu không kịp dẫn đến tình trạng “bội thực” thông tin. Dẫn đến sự tiếp thu thông tin kiến thức của người lao động cũng bị hạn chế lại.

- Việc tổ chức địa điểm đánh giá rủi ro cũng không tạo thuận lợi nhiều vì không ngay hiện trường của công việc. Không mang tính thực tế cao. Khó hình dung ra mối nguy ở khu vực làm việc đó.

- Thực tế ở một số công trường, người thực hiện đánh giá rủi ro là nhân viên an toàn của đơn vị thầu phụ. Điều này gây mất an toàn trong quá trình làm việc. Vì người tiến hành làm trực tiếp công việc không nhận biết rõ các mối nguy tiềm ẩn có thể xảy ra trong suốt quá trình họ làm việc.

6.3. Đề xuất biện pháp cải tiến

Nhìn chung quy trình đánh giá rủi ro của công ty khá tốt, được quản lý xuyên suốt trong quá trình làm việc nhưng vẫn gặp một số khó khăn như sự hạn chế hiểu biết của công nhân hoặc sự phức tạp của quy trình đánh giá rủi ro. Vì vậy cần có một biện pháp mới để nâng cao hiệu quả hiện tại.

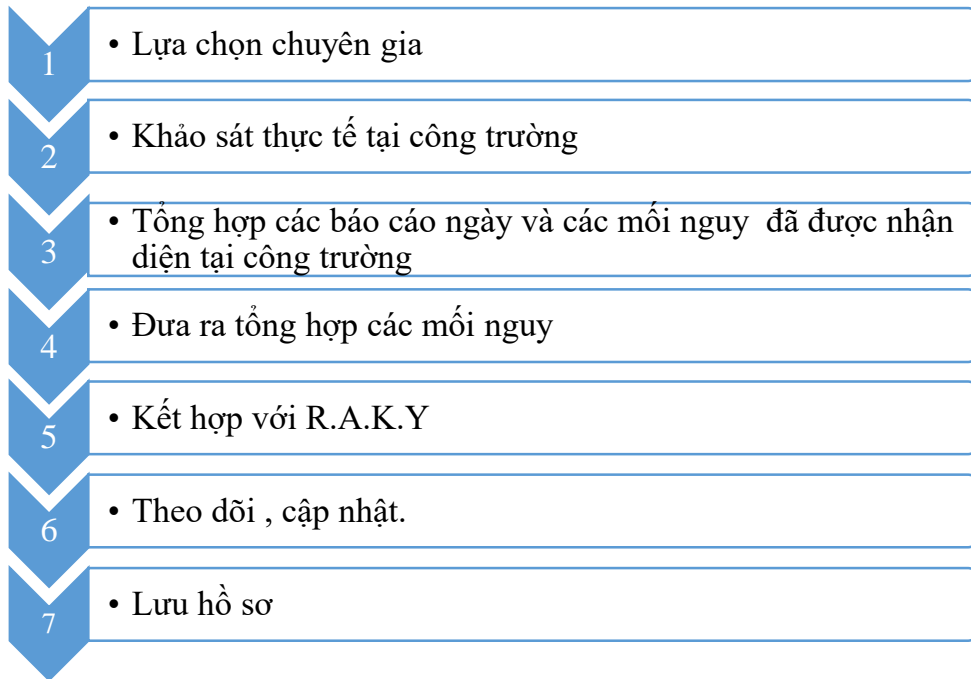
6.3.1. Lý do lựa chọn phương pháp

Mục đích của cải tiến là nâng cao hiệu quả của phương pháp hiện tại mà công ty đang áp dụng đó là phương pháp xác suất. Vậy phải lựa chọn một phương pháp hoặc công cụ nào đó để có thể hỗ trợ phương pháp hiện tại đạt hiệu quả tối ưu hơn, ta cần nhìn nhận vào điều kiện thực tế tại các dự án của Kinden.

Phương pháp mà công ty Kinden đang sử dụng là phương pháp xác suất. Vì vậy cần lựa chọn 3 phương pháp còn lại để kết hợp nâng cao quy trình hiện tại:

- Phương pháp kế thừa: không áp dụng vì công ty mẹ được thành lập ở Nhật Bản, môi trường làm việc khác, người lao động khác và máy móc dụng cụ cũng không đồng nhất nên không thể áp dụng phương pháp này.
- Phương pháp thực tế: phương pháp này cũng khó áp dụng tại các dự án của Kinden vì các dự án chỉ hoạt động trong vòng 6 tháng – 1 năm. Mà phương pháp thực tế đòi hỏi thời gian khá nhiều.
- Phương pháp chuyên gia: có thể áp dụng phương pháp này vì nó vừa có thể kết hợp với phương pháp hiện tại, vừa có thể áp dụng lâu dài tại tất cả các dự án (trừ khi thay đổi những phương pháp mới, công nghệ mới thì yêu cầu phải đánh giá lại)

6.3.2. Cách thức thực hiện



Mô tả các bước:

Bước 1: Lựa chọn chuyên gia

Việc lựa chọn chuyên gia phải đảm bảo hai yêu cầu sau:

- Là người có chuyên môn về Nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro.
- Là người có nhiều kinh nghiệm về các loại máy móc cần nhận diện. Cụ thể là các thiết bị làm việc trên cao tại các dự án của Kinden.
- Từ 2 yếu tố trên đề xuất lựa chọn chuyên gia tại công ty sẽ được kết hợp bởi nhiều người. Trưởng ban an toàn Kinden và trưởng các bộ phận, quản lý dự án. Việc kết hợp nhiều người sẽ nâng cao khả năng nhận diện mối nguy cho lĩnh vực đề xuất.

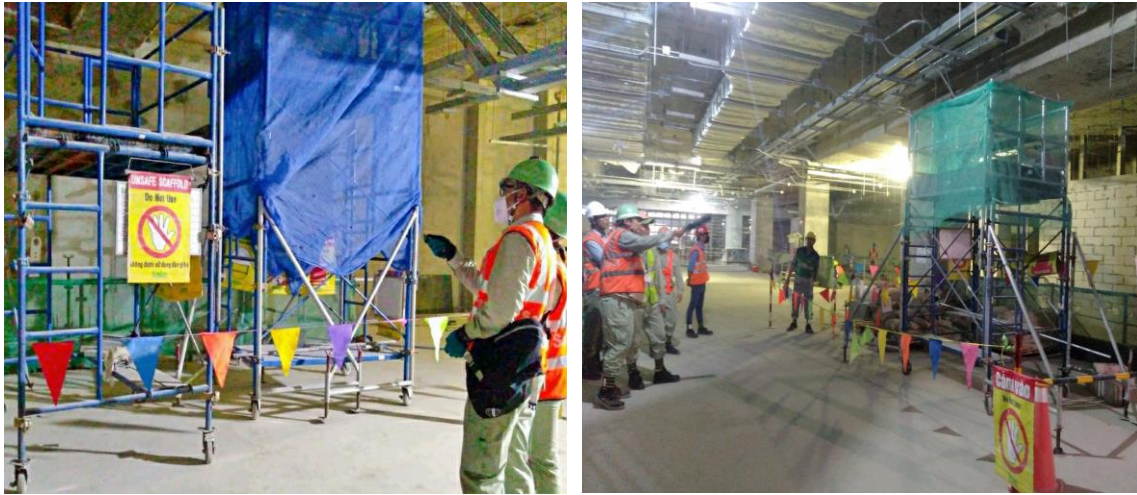


Hình 6. 1. Cuộc họp giữa các chuyên gia.

Bước 2: Khảo sát thực tế tại công trường

Việc tìm hiểu các môi nguy phải dựa trên 3 yếu tố chính: con người, máy móc và điều kiện làm việc.

Máy móc có thể thu thập thông tin dựa trên dữ liệu nhà cung cấp nhưng con người và điều kiện làm việc thì đòi hỏi phải dựa trên thực tế. Vì vậy việc khảo sát thực tế là một yếu tố bắt buộc để đảm bảo rằng không bỏ sót bất kì môi nguy nào.

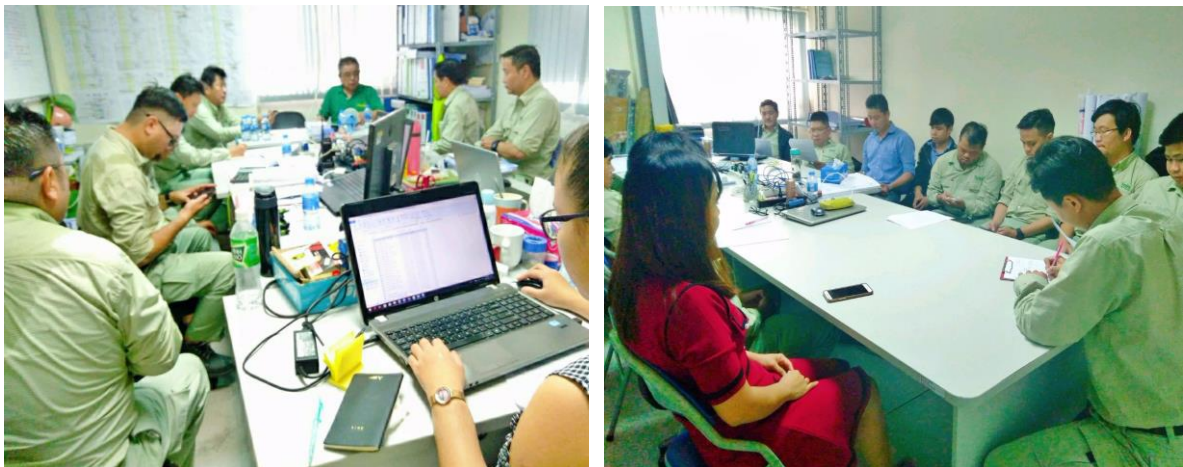


Hình 6. 2. Khảo sát thực tế tại công trường.

Bước 3: Tổng hợp các báo cáo ngày và các mối nguy đã được nhận diện thực tế tại công trường.

Sau khi khảo sát thực tế thì trưởng ban an toàn và trưởng ban quản lý dự án sẽ cùng lựa chọn và thống nhất các mối nguy đã được nhận diện được. Tuy nhiên, việc khảo sát thực tế chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn và ở nhiều công trường. Vì vậy cần kết hợp với báo cáo ngày từ nhân viên an toàn tại các dự án để tổng hợp đầy đủ các mối nguy.

Ngoài ra, hàng tháng có cuộc họp giám sát an toàn giữa các nhà thầu chính và các đơn vị có liên quan. Đây là cơ hội tốt, để lấy ý kiến, các nhận định thực tế về về các mối nguy của giàn giáo trong suốt quá trình sử dụng.



Hình 6. 3. Tổng hợp các mối nguy sau khi đi thực tế.

Bước 4: Đưa ra tổng hợp các mối nguy

Sau khi tổng hợp các mối nguy, các chuyên gia sẽ thống nhất và đưa ra mức độ rủi ro và biện pháp khắc phục tương ứng bởi tính chất của việc đánh giá rủi ro là phân bậc các mối nguy để dễ dàng trong việc kiểm soát.

Một số nguy cơ và biện pháp khắc phục điển hình trong việc sử dụng thiết bị làm việc trên cao:

a. Xe nâng

b. Bảng 6. 1. Bảng các mối nguy điển hình khi làm việc trên xe nâng

STT	Mối nguy điển hình	Biện pháp khắc phục
1	Va chạm với xe do các điểm mù khi vận hành, va chạm với các vật tư trong quá trình di chuyển xe	Luôn có cảnh báo và cảnh giới khi làm việc.
		Các thiết bị còi đèn phải đảm bảo hoạt động tốt.
		Chú ý quan sát khi di chuyển, kiểm tra kỹ khu vực làm việc trước khi vận hành
2	Bị đè do các bộ phận chuyển động của xe.	Giữ khoảng cách an toàn khi xe đang hoạt động
3	Bị lật do địa hình không chắc chắn, độ nghiêng của mặt bằng làm việc quá lớn hoặc sức gió to.	Kiểm tra mặt bằng làm việc khi thực hiện công việc.
		Dừng công việc kho sức gió to (tốc độ gió vượt quá 12.5 m/s)
		Không vận hành khi vượt quá tải trọng cho phép
		Thu và hạ sàn thao tác trước khi di chuyển sang khu vực khác

4	Té ngã do leo trèo, đứng lên lan can khi làm việc.	Không được ngồi hoặc đứng lên lan can khi làm việc.
		Khóa cửa chắc chắn khi làm việc
		Sử dụng dây đai an toàn toàn thân hai móc khi vận hành.
5	Điện giật do sự phóng điện khi làm việc gần khu vực có điện áp cao	Giữ khoảng cách an toàn khi làm việc gần khu vực có điện áp cao (bảng)
6	Bị điện giật do dây điện hở hoặc rò rỉ điện	Kiểm tra kỹ thiết bị trước khi làm việc.
		Thay mới các dây bị hư hỏng.
7	Vận hành hoặc sạc pin ở những khu vực dễ cháy nổ (có nhiều hơi khí ga, hoặc nhiệt độ quá cao)	Kiểm tra kỹ khu vực vận hành hoặc sạc pin
8	Cháy nổ khi tiến hành hàn trên xe nâng	Phải có khay hứng xỉ khi hàn trên xe nâng
		Trang bị bình chữa cháy tại khu vực hàn
9	Ngất xỉu khi làm việc trong môi trường nhiều bụi, nóng ẩm, tiếng ồn cao	Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ
10	Bị bệnh ngoài da khi tiếp xúc với dầu nhớt và thao tác với pin xe	Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ
11	Thay đổi huyết áp, nhịp tim, say nóng (khi nhiệt độ cao) khi làm việc trên cao	Bố trí thời gian nghỉ hợp lý

Bảng 6. 2. Quy định khoảng cách an toàn khi làm việc gần dây điện áp cao

Điện áp đường dây (kV)	Khoảng cách nhỏ nhất cho phép (m)
Đến 50	0.6
Trên 35 đến 66	0.8
Trên 66 đến 110	1.1
Trên 110 đến 220	1.0
Trên 220 đến 500	4.0

(Theo Điều 94, chương IX – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện)

c. Giàn giáo:

Bảng 6. 3. Bảng các mối nguy điển hình khi làm việc trên giàn giáo

STT	Mối nguy điển hình	Biện pháp khắc phục
1	Ngã do giàn giáo do xếp vật liệu trên giàn giáo quá nhiều	Phân bố đều tải trọng trên giàn giáo và không được xếp quá tải
		Phải có bảng ghi rõ tải trọng của giàn giáo và gắn tại giàn giáo
2	Té ngã do leo trèo, đứng trên lan can, vói người ra khỏi giàn giáo	Bố trí lan can, lưới an toàn bao che ở các mép giàn giáo để ngăn chặn người và vật liệu rơi xuống
3	Té ngã do di chuyển giàn giáo còn người ở bên trên	Không di chuyển giàn giáo khi còn người trên giàn giáo

4	Té ngã do di chuyển từ giàn giáo này qua giàn giáo khác	Sử dụng lối đi lên xuống phải thực hiện bằng lối đi và cầu thang đã được chỉ định
5	Ngã đổ giàn giáo do địa hình không chắc chắn, độ nghiêng mặt bằng quá lớn, đặt trên nền đất bị lún	Lắp dựng giàn giáo trên mặt bằng bằng phẳng.
		Dưới chân cột chống phải phải lót ván chống lún, chống trượt
6	Sập giàn giáo do lắp và tháo không đúng trình tự, kỹ thuật	Giàn giáo phải được lắp, tháo đúng quy trình lắp đặt an toàn và gắn tại giàn giáo
7	Điện giật do sự phóng điện khi làm việc gần khu vực có điện áp cao, các thiết bị điện bị rò rỉ điện.	Kiểm tra kỹ các thiết bị điện trước khi làm việc.
		Thay mới các dây bị hư hỏng
		Giữ khoảng cách an toàn khi làm việc gần khu vực điện áp cao
8	Giật điện khi làm việc gần các dây nguồn treo trực tiếp qua ty đèn, máng cáp	Các dây điện phải treo quá các dây ruột gà.
9	Ngất xỉu ở các điều kiện thời tiết khắc nghiệt: nắng nóng, mưa lớn, gió lớn..	Bố trí thời gian nghỉ hợp lý
10	Làm việc ở môi trường nhiều bụi, thiếu khí oxi	Trang bị thiết bị lọc khí, lọc oxy, quạt thông gió.

Bước 5: Kết hợp với R.A.K.Y [Phụ lục 5 và 6]

Nhược điểm của R.A.K.Y là nguồn nhân lực (thay đổi liên tục, trình độ văn hóa, kinh nghiệm thực tiễn) và thời gian thực hiện R.A.K.Y quá ít khi viết tay sẽ mất thời gian. Vì vậy cần chuyển đổi bản nhận mỗi nguy hiểm theo một mẫu mới mà người công nhân chỉ việc đánh dấu vào những mối nguy đã được liệt kê và cho điểm.

Bước 6: Theo dõi, cập nhật

Giám sát và giám sát an toàn Kinden sẽ theo dõi, kiểm tra việc thực hiện. Từ đó xem xét hiệu quả cho việc đánh giá rủi ro.

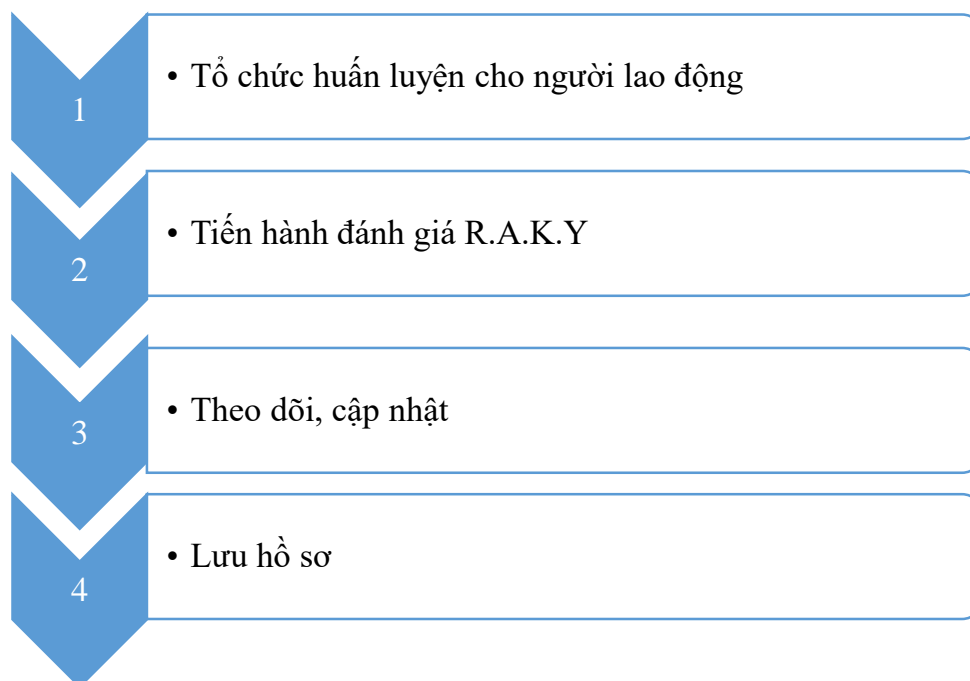
Mỗi ngày nhân viên Kinden đi kiểm tra công trường, trong quá trình đi kiểm tra, nhân viên Kinden sẽ theo dõi quá trình vận hành xe nâng. Xem xét việc thực hiện các biện pháp khắc phục rủi ro xem có tốt không. Đồng thời sẽ quan sát và nhận diện thêm những mối nguy hiểm tiềm ẩn mà công nhân chưa nhận diện ra được và thông báo đến công nhân trong buổi Họp giao ban vào ngày hôm sau.

Luôn luôn cập nhật những cái mới: từ môi trường lao động hoặc các thiết bị máy móc để đảm bảo hiệu quả của phương pháp mà mình đang áp dụng.

Bước 7: Lưu hồ sơ

Hồ sơ được lưu ở dạng giấy và dữ liệu.

6.3.3. Hướng dẫn người lao động



Diễn giải các bước:

Bước 1: Tổ chức huấn luyện cho người lao động:

Sau khi được các chuyên gia thông qua bảng cải tiến R.A.K.Y, nhân viên an toàn tiến hành huấn luyện cho công nhân. Nhằm mục đích hướng dẫn công nhân cách thực hiện R.A.K.Y một cách hiệu quả nhất.



Hình 6. 4. Huấn luyện cho người lao động thực hiện bảng R.A.K.Y kết hợp với phương pháp chuyên gia.

Bước 2: Tiến hành đánh giá R.A.K.Y tại công trường

Sau khi được huấn luyện, đội nhóm công nhân trực tiếp thực hiện công việc sẽ tiến hành đánh giá rủi ro cho công việc của mình, dưới sự giám sát của nhân viên an toàn Nhà thầu phụ.

Việc này góp phần nâng cao sự hiểu rõ các mối nguy ảnh hưởng trực tiếp đến công việc mà họ đang thực hiện.



Hình 6. 5. Tiến hành đánh giá R.A.K.Y tại công trường

Bước 3: Theo dõi cập nhật

Nhân viên an toàn và giám sát của các đơn vị nhà thầu, tiến hành kiểm tra công trường.

Mục đích: xem xét công nhân có thực hiện đúng các biện pháp ngăn ngừa các mối nguy mà họ đã đề ra hay không. Đồng thời, cập nhật các mối nguy phát sinh thêm trong quá trình làm việc và sẽ nhắc nhở vào buổi Họp giao ban buổi sáng vào sáng ngày hôm sau.



Hình 6. 6. Nhân viên Kinden tiến hành kiểm tra công trường

Bước 4: Lưu hồ sơ [Phụ lục 5 và 6]

Hồ sơ sẽ được lưu ở dạng file giấy và file dữ liệu

6.3.4. Ưu, nhược điểm của phương pháp chuyên gia trong việc kết hợp với R.A.K.Y

Ưu điểm:

- Mọi nguy đã được đưa ra sẵn, giúp cho người lao động dễ dàng lựa chọn để đánh giá.
- Giải quyết được tình trạng ghi không đúng mọi nguy, mô tả mọi nguy không hiệu quả (bụi bay vào mắt, ảnh hưởng đến hô hấp?; Điện giật do dùng các thiết bị điện bị rò rỉ?)

Nhược điểm:

Việc thay đổi biểu mẫu R.A.K.Y sẽ tạo nên sự thụ động của người lao động do họ chỉ đánh dấu ✓ vào những mối nguy và các biện pháp khắc phục mà chuyên gia đã thực hiện. Xuất hiện tình trạng đánh bừa bãi.

Vì vậy, cần thay đổi lại một lần nữa sự kết hợp đó để giải quyết được sự thụ động của người lao động [**Phụ lục 7**]

KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua thực tế theo dõi, công ty Kinden Việt Nam đã áp dụng tốt công cụ đánh giá rủi ro trong công tác an toàn, nâng cao nhận thức về an toàn của người lao động. Nhưng vẫn còn một số công trường, việc đánh giá hoạt động R.A.K.Y còn nhiều khó khăn như sự hạn chế hiểu biết của công nhân và sự phức tạp của R.A.K.Y. Vì vậy cần phải có một phương pháp mới kết hợp với phương pháp cũ để R.A.K.Y đạt được hiệu quả cao nhất. Với đề tài “Đánh giá quy trình quản lý rủi ro và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng thiết bị làm việc trên cao tại công ty TNHH Kinden Việt Nam”. Luận văn đã giải quyết được các vấn đề chính:

- Áp dụng bảng đánh giá rủi ro (R.A.K.Y.) dưới dạng checklist cho thiết bị làm việc trên cao: giàn giáo, xe nâng người.
- Hướng dẫn người lao động các biện pháp cụ thể giúp giảm thiểu tai nạn lao động.

2. Kiến nghị

Với việc kết hợp giữa R.A.K.Y và phương pháp chuyên gia, hiệu quả đánh giá rủi ro được cải thiện phần nào cũng như góp phần nâng cao hiệu quả trong thi công.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc đánh giá rủi ro, mong quý công ty xem xét đề xuất: Cải tiến bảng tiêu chí đánh giá rủi ro và sự phân bậc các mối nguy.

Từ những kết luận trên, mong quý công ty nghiên cứu đề xuất của luận văn, góp phần mang lại hiệu quả cao trong việc quản lý rủi ro.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]: OHS-QT03-M02, Danh mục luật định cần tuân thủ, Safety Manager Document, Công ty Kinden Việt Nam.
- [2]: Safety Rules, Safety Manager Document, Công ty Kinden Việt Nam.
- [3]: Trang 62 và 63, Giáo trình quản lý Công tác BHLĐ, Người biên soạn: T.S Nguyễn Văn Quán, Th.S Trần Nguyệt Sương.
- [4]: OHSAS-QT05 - Quy trình nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro, OHSAS 18001:2007.
- [5]: TCVN-ISO – 31000 – 2011: Quản lý rủi ro- Nguyên tắc và hướng dẫn.
- [6]: TCXDVN 296:2004: Giàn giáo – yêu cầu về an toàn.
- [7]: TCVN ISO – IEC-31010 – 2013, Quản lý rủi ro.
- [8]: OHS- HD05, Instruction using Scaffolding, OHSAS 18001- 2007, System, Công ty KDVN
- [9]: OHS –HD04, Instruction using Crane, Hoist, Scissor Lift.

PHỤ LỤC 1

PHỤ LỤC 2

PHỤ LỤC 3

PHỤ LỤC 4

PHỤ LỤC 5

PHỤ LỤC 6

PHỤ LỤC 7

—

